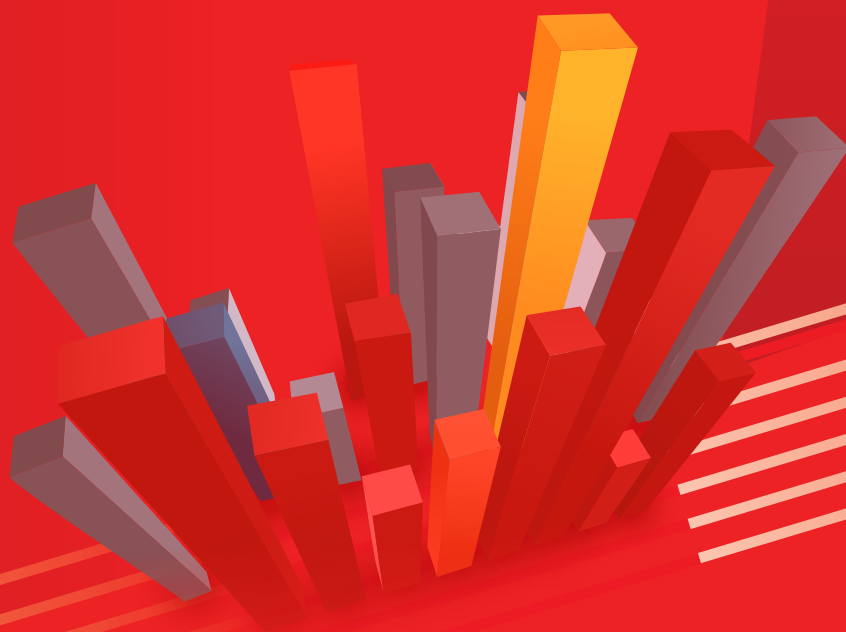


**MARITIME
BANK**



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2013

NỘI DUNG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2013

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6 LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

- NGÀY THÀNH LẬP
- LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

8 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

- TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013
 - ▶ TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 - ▶ HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN
 - ▶ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG
 - ▶ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁC
 - ▶ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
 - ▶ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI VÀ KÊNH PHÂN PHỐI
 - ▶ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
 - ▶ ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ
 - ▶ VẬN HÀNH
 - ▶ QUẢN TRỊ RỦI RO
 - ▶ PR VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU
 - ▶ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

26 CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
- NHÂN SỰ CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, BAN
 - ▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 - ▶ BAN KIỂM SOÁT
 - ▶ HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
- MỘT SỐ CỔ ĐÔNG LỚN
- ĐƯỜNG LỐI QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

44 THÀNH TÍCH VÀ GIẢI THƯỞNG

46 NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý

48 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

92 MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH

Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa các Quý vị Cổ đông!

Trải qua năm 2013 với rất nhiều khó khăn đến từ nền kinh tế thế giới và khu vực, ngành tài chính ngân hàng Việt Nam đã xuất hiện một số tín hiệu khả quan, hoạt động huy động bắt đầu tăng trưởng, tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại cũng dần được cải thiện, kết quả hoạt động kinh doanh tốt hơn. Tuy vậy, toàn bộ hệ thống vẫn phải đối mặt với không ít thách thức: tỷ lệ nợ xấu mặc dù có dấu hiệu giảm nhưng vẫn ở mức cao, chất lượng tín dụng chưa thực sự được cải thiện. Trong bối cảnh đó, Maritime Bank vẫn có những bước tiến vững chắc trong hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro, tập trung nguồn lực để phát triển toàn diện về mọi mặt trên cơ sở tuân thủ các quy định của Nhà nước và Pháp luật. Năm 2013 đã cho thấy những nỗ lực của Maritime Bank trong việc giữ vững định hướng chiến lược, trở thành một trong những ngân hàng thương mại hoạt động hiệu quả nhất tại Việt Nam.

Về chiến lược kinh doanh, Maritime Bank xác định mục tiêu không chạy theo quy mô mà đặt mục tiêu tăng trưởng ổn định, an toàn, bền vững lên hàng đầu, chú trọng tạo nên các giá trị khác biệt để tăng tính cạnh tranh trên thị trường thông qua chất lượng sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng. Maritime Bank xác định, phân khúc khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân là hai phân khúc được lựa chọn để tập trung phát triển. Ngân hàng cũng xác định và thực hiện từng bước chuyển dịch giảm dần sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng và tăng dần nguồn thu từ hoạt động phi tín dụng, thành lập Ban Dịch vụ Ngân hàng Giao dịch tại Hội sở chính và xây dựng chiến lược phát triển Dịch vụ ngân hàng Giao dịch tại các ngân hàng chuyên doanh, tiến tới mô hình dịch vụ theo chuẩn quốc tế.

Về phát triển mạng lưới, Maritime Bank tiến hành cơ cấu lại, mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động tại các địa bàn nông thôn kết hợp phát triển mạng lưới giao dịch tới các khu vực vùng sâu vùng xa, khu vực tập trung đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng công nghiệp phụ trợ, xuất khẩu, chế biến, phù hợp với định hướng của Nhà nước.

Về quản trị rủi ro, Maritime Bank thực hiện công tác quản trị rủi ro chặt chẽ tới từng cấp, tích hợp cùng quá trình thực hiện các quy trình, chính sách và thực hiện quản trị rủi ro theo vòng khép kín, liên tục, kịp thời để đạt hiệu quả cao nhất.

Về công tác xử lý nợ xấu, Maritime Bank nỗ lực thực hiện tất cả các biện pháp nhằm từng bước giảm dần tỷ lệ nợ xấu như đánh giá lại chất lượng tài sản, khả năng thu hồi nợ và giá trị nợ xấu, bán nợ xấu có tài sản bảo đảm cho cơ quan chức năng và các tổ chức khác, sử dụng nguồn dự phòng rủi ro, tài sản bảo đảm để thu hồi nợ và đồng thời áp dụng chuyển nợ thành vốn góp, cổ phần của doanh nghiệp vay vốn.

Về nhân sự, Maritime Bank chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên có trình độ cao, có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp tốt thông qua các khóa đào tạo, các buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm; chú trọng các chương trình đào tạo lớp lãnh đạo kế cận như Lãnh đạo trẻ, xây dựng lộ trình rõ ràng cho các cán bộ nhân viên cũng như chính sách đãi ngộ hợp lý, công bằng.

Về đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin, Maritime Bank liên tục tiến hành cập nhật, bổ sung thêm các module mới đối với Hệ thống Ngân hàng lõi để đáp ứng yêu cầu của kinh doanh; triển khai dự án đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục trên cơ sở hệ thống công nghệ dự phòng đạt tiêu chuẩn;



tiếp tục phát triển hệ thống các phần mềm hỗ trợ phục vụ sát sao các hoạt động nghiệp vụ.

Với những thành quả đã đạt được trong năm 2013, Maritime Bank tự tin vào định hướng đang theo đuổi, tiếp tục đầu tư nhân lực, tài lực để hướng tới những mục tiêu đầy kỳ vọng. Năm 2014, với những dự đoán hứa hẹn hơn cho nền kinh tế, Hội đồng Quản trị tin tưởng, Ngân hàng sẽ có những thành tựu lớn hơn, bảo đảm quyền lợi chính đáng của Quý vị cổ đông, khách hàng và tập thể CBNV toàn hệ thống.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành Ngân hàng, tôi xin trân trọng cảm ơn các Quý vị Cổ đông, Khách hàng, Đối tác đã luôn ủng hộ chúng tôi trong suốt

những năm qua. Mong rằng, chúng tôi sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng, đồng hành đó của Quý vị trong thời gian tới.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HĐQT

TRẦN ANH TUẤN



Lịch sử xây dựng và phát triển



Ngày thành lập

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) chính thức được thành lập theo Giấy phép số 0001/NH-GP của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 12/07/1991, Maritime Bank chính thức khai trương và đi vào hoạt động tại thành phố Cảng Hải Phòng, ngay sau khi Pháp lệnh về Ngân hàng Thương mại, Hợp tác xã tín dụng và Công ty Tài chính có hiệu lực và trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên tại Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực kinh doanh của Maritime Bank là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng... được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Maritime Bank, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.

Quá trình phát triển

2013	✓ Vốn điều lệ 8.000 tỷ đồng ✓ Tổng tài sản gần 110.000 tỷ đồng ✓ 220 điểm giao dịch trên toàn quốc
2012	✓ Được xếp hạng nhóm 1, nhóm dẫn đầu, được cấp hạng mức tín dụng cao nhất trong năm 2012; Thuộc nhóm G12 (nhóm các ngân hàng chiếm thị phần lớn trên thị trường) ✓ Vốn điều lệ: 8.000 tỷ đồng
2010	✓ Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, logo mới với sự kết hợp hai màu đỏ và đen ấn tượng. ✓ Vốn điều lệ 5.000 tỷ đồng ✓ Tổng tài sản trên 100.000 tỷ đồng
2009	✓ Vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng ✓ Chính thức ký hợp đồng tư vấn với McKinsey để xây dựng chiến lược phát triển ✓ 100 điểm giao dịch
2005	✓ Chính thức chuyển Hội sở chính từ Hải Phòng lên Hà Nội ✓ 16 điểm giao dịch
1991	✓ Thành lập và chính thức đi vào hoạt động ✓ Vốn điều lệ 40 tỷ đồng ✓ 24 cổ đông ✓ Đặt chi nhánh tại các tỉnh, thành phố lớn như Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh

Định hướng phát triển

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tạo lập giá trị bền vững

TÂM NHÌN

Trở thành một trong những ngân hàng thương mại hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam

SỨ MỆNH

- Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tài chính với chất lượng theo nhu cầu thực tế của Khách hàng

- Tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp với nhiều cơ hội phát triển sự nghiệp cho Cán bộ nhân viên

- Đem lại lợi ích bền vững cho Cổ đông thông qua việc tập trung triển khai chiến lược kinh doanh mới dựa trên các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Báo cáo của Hội đồng Điều hành



TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013



Tổng quan tình hình tài chính



Năm 2013, kinh tế Việt Nam tiếp tục chứng kiến một năm tăng trưởng chậm khi cả nguồn cung và sức cầu vẫn còn yếu. Bất cập của cấu trúc kinh tế và sự chậm chạp trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng là nguyên nhân chính khiến nền kinh tế đánh mất đà tăng trưởng và chìm vào giai đoạn trì trệ. Trong bối cảnh đó, thị trường tiền tệ cũng có một năm diễn biến kém sôi động. Ngoại trừ sự tăng trưởng tích cực ở hoạt động huy động vốn trên thị trường I, xu thế trầm lắng chi phối hầu hết các hoạt động khác trong hệ thống ngân hàng. Đứng trước những khó khăn và thử thách này, thay vì tập trung vào tăng trưởng tài sản, Maritime Bank đã chuyển trọng tâm vào quản lý bảng cân đối, nâng cao chất lượng tài sản đồng thời tăng cường quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp.

Thực hiện theo đúng chiến lược quản trị, năm 2013 là năm đầu tiên Maritime Bank có sự sụt giảm về quy mô tài sản. Tổng tài sản của hệ thống tại thời điểm cuối năm giảm 2,55% xuống còn 107.115 tỷ đồng. Tuy nhiên, cơ cấu bảng cân đối tài chính đã được cải thiện đáng kể theo định hướng hoạt động An toàn – Hiệu quả – Bền vững. Cụ thể, nguồn tiền huy động vốn từ thị trường I và phát hành trái phiếu chiếm tỷ trọng 63,75% trong

tổng tài sản, tăng gần 8% so với năm 2012, nhờ đó, thanh khoản luôn trong trạng thái ổn định, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu từ hoạt động kinh doanh và biến động của thị trường. Bên cạnh đó, cơ cấu kỳ hạn huy động vốn cũng dịch chuyển dần sang tiền gửi không kỳ hạn (CASA). Số dư CASA tại thời điểm 31/12/2013 đạt 12.857 tỷ đồng, tăng 19,10% so với năm 2012, đảm bảo đúng định hướng hoạt động và cam kết với nhà đầu tư về việc cắt giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

Tương ứng với sự sụt giảm của tổng tài sản, tổng dư nợ tín dụng trong năm 2013 cũng giảm 5,30% so với năm 2012, còn 27.409 tỷ đồng. Số liệu này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển tín dụng trên nguyên tắc có chọn lọc và hiệu quả, đồng thời tập trung nâng cao chất lượng của danh mục sẵn có. Nhờ vậy, trong bối cảnh nền kinh tế ảm đạm, các doanh nghiệp trượt dài trong khó khăn và thua lỗ, Maritime Bank vẫn kiểm soát được tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,71%. Ngoài ra, trong năm, Maritime Bank cũng thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng trên danh mục tín dụng hiện tại với tổng chi phí là 326 tỷ đồng và sử dụng 222 tỷ đồng để xử lý rủi ro nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của hệ thống và tuân thủ với các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Dưới tác động không mấy khả quan của thị trường, tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong năm 2013 của Maritime Bank đạt mức 2.416 tỷ đồng, giảm 7,75% so với năm 2012. Trong đó, thu nhập lãi thuần suy giảm 20% so với năm trước, đạt 1.614 tỷ đồng. Mức giảm này được đóng góp bởi nhiều yếu tố, trong đó có sự suy giảm về dư nợ của danh mục tín dụng, sự điều chỉnh mặt bằng lãi suất trong nỗ lực chia sẻ khó khăn với các doanh nghiệp và sự thận trọng trong ghi nhận doanh thu từ lãi tín dụng.

Điểm sáng nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2013 là mảng kinh doanh trái phiếu Chính phủ với khối lượng giao dịch đứng đầu trên thị trường và kết quả lãi thuần đạt 596 tỷ đồng, tăng gần 600% so với năm trước. Kết quả ấn tượng này thể hiện sự nhạy bén của Ban Lãnh đạo Ngân hàng trong điều hành hoạt động kinh doanh và sự chuyển dịch kịp thời sang các kênh đầu tư trên thị trường II khi thị trường I gặp nhiều khó khăn. Đây là một trong những yếu tố quan trọng đóng góp vào sự tăng trưởng 157% của tổng lợi nhuận trước thuế so với năm 2012.

Mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về tài chính

STT	Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH 2013	THỰC HIỆN Tỷ VNĐ	TỶ LỆ THỰC HIỆN (%)
1	Tổng tài sản	115.000	107.115	97,44%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	75.500	68.287	90,45%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm cho vay TCKT và cá nhân, cam kết bảo lãnh và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp)	47.510	45.910	108,21%
4	Nợ xấu (nhóm 3-5)	<3%	2,71%	
5	Số điểm giao dịch mở mới	3	5	166,67%
6	Lợi nhuận trước thuế thu nhập (bao gồm cả phần thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng) (*)	413	401	97,09%
7	Vốn điều lệ	8.000	8.000	100,00%
8	Tỉ lệ chia lợi tức cổ phần (*)	0%	0%	100,00%

(*) Một số chỉ tiêu kế hoạch đã được HĐQT thay mặt Đại hội đồng Cổ đông điều chỉnh so với Nghị quyết lần thứ 20 ngày 27/2/2012 để bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế và chính sách quản lý của Nhà nước.

Với mục tiêu tối ưu hóa mô hình hoạt động, tổng chi phí hoạt động của Ngân hàng năm nay giảm xuống còn 90% so với năm trước và được giữ ở mức 1.689 tỷ đồng. Kết quả này thể hiện sự nỗ lực không ngừng của toàn hệ thống Maritime Bank trong chiến dịch tăng hiệu quả chi phí hoạt động, tối ưu hóa mạng lưới nhân viên và chi nhánh trong khi vẫn đảm bảo một nguồn ngân sách đáng kể cho đầu tư củng cố hạ tầng cơ sở và phát triển nguồn nhân lực chủ chốt.

Điểm sáng tiếp theo trong toàn cảnh hoạt động của Maritime Bank là việc duy trì ổn định các chỉ tiêu về an toàn hoạt động. Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và vốn hợp nhất của Ngân hàng là 11,24% và 10,56%, cao hơn tỷ lệ yêu cầu 9% của Ngân hàng

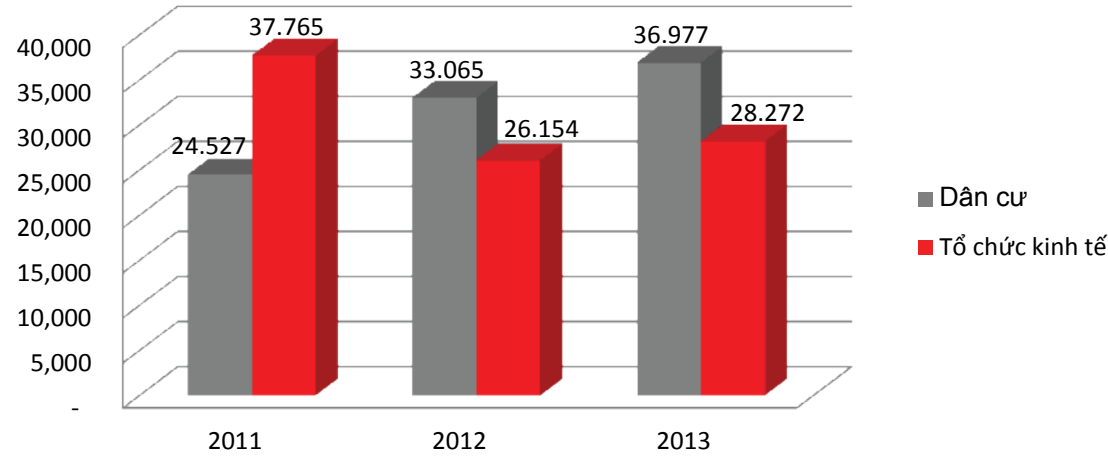
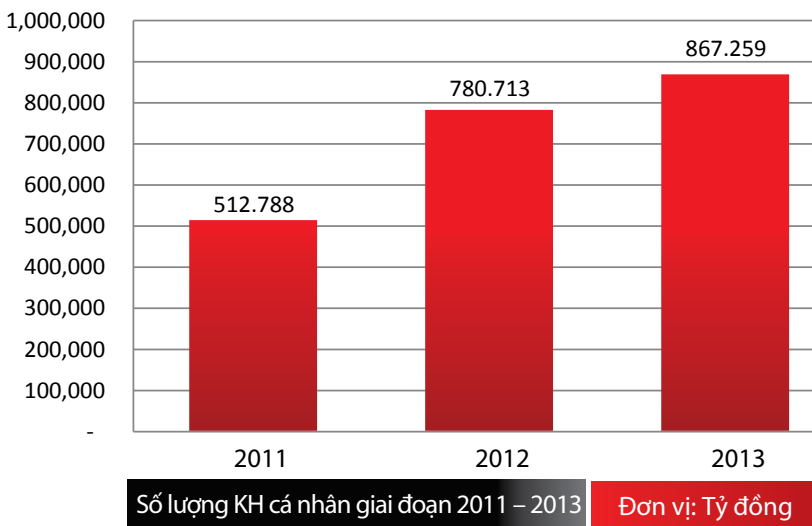
Nhà nước. Tỷ lệ cho vay trên huy động trong cả năm luôn dao động quanh mức 60% - 70%, đạt dưới ngưỡng tối đa 80% theo quy định. Đồng thời, Ngân hàng cũng luôn đảm bảo duy trì tỷ lệ khả năng chi trả hàng ngày và trong vòng 7 ngày tuân thủ với các quy định của NHNN.

Vượt qua những khó khăn của năm 2013, mặc dù không đạt được kết quả kinh doanh như kỳ vọng, Maritime Bank vẫn khẳng định được bản lĩnh vững vàng và khả năng ứng biến linh hoạt trong điều kiện khủng hoảng. Maritime Bank đã sẵn sàng cho những thử thách mới trong năm 2014, với quyết tâm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh chính.



Hoạt động huy động vốn

Nếu như năm 2011 là năm của nỗi lo thanh khoản, năm 2012 là năm của các thông tin tiêu cực làm chao đảo ngành ngân hàng thì năm 2013 là năm của sự điều chỉnh. Điều đó được thể hiện từ hàng loạt các điều chỉnh về lãi suất của NHNN cho tới việc điều chỉnh lại tỷ lệ huy động vốn của từng ngân hàng sao cho phù hợp nhất với định hướng kinh doanh của mình. Đi cùng với xu thế,



Tình hình huy động vốn giai đoạn 2011 – 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Maritime Bank cũng có những bước điều chỉnh về huy động vốn khá thành công trong năm 2013.

Tính đến 31/12/2013, tổng huy động vốn trên thị trường I bao gồm cả phát hành trái phiếu của Maritime Bank đạt 68.287 tỷ đồng, tăng 10,35% so với năm 2012 và chiếm 73,06% tổng huy động của toàn Ngân hàng. Tổng huy động từ dân cư tại thời điểm cuối năm đạt 36.977 tỷ đồng, chiếm 54,15% tổng huy động vốn thị trường I và tăng trưởng 11,83% so với năm trước. Số lượng khách hàng cá nhân tăng 9,53% so với 2012, cán mốc 867.259 khách hàng. Huy động từ tổ chức kinh tế và phát hành trái phiếu cũng chiếm 45% với tổng số dư cuối năm đạt 31.067 tỷ đồng.

Về cơ cấu kỳ hạn huy động vốn, Maritime Bank cũng đạt được những bước dịch chuyển đáng kể trong việc tăng tỷ trọng của tiền gửi không kỳ hạn (CASA). Trong năm 2013, số dư CASA đạt 12.857 tỷ đồng, tăng 19,10% so với năm 2012, nâng tỷ trọng CASA trên tổng huy động toàn hàng lên 18,83% (năm 2012: 17,45%). Tỷ lệ số dư CASA được duy trì ổn định trong 12 tháng luôn đạt quanh mức 65%. Bên cạnh đó, Maritime Bank cũng đạt được những thành công nhất định trong việc dịch chuyển cơ cấu tiền gửi có kỳ hạn theo xu hướng dài hạn. Cụ thể, tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng đã giảm từ 56,61% xuống 46,40% vào cuối năm 2013. Trong khi đó, tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng đạt mức 17,08%, tăng 6,28% và tỷ trọng tiền gửi trên 12 tháng đã tăng 3,88% lên mức 36,46%. Chuyển biến tích cực này đã đóng góp không nhỏ vào việc ổn định thanh khoản và nâng cao cơ cấu tài sản Nợ và Có của Ngân hàng.

Những con số ấn tượng này cho thấy nỗ lực vượt trội của các ngân hàng chuyên doanh trong hoạt động huy động vốn và được đóng góp bởi ba yếu tố chính. Thứ nhất, Ngân hàng

đã không ngừng đổi mới và đưa ra các gói sản phẩm hấp dẫn thu hút khách hàng như: Huy động tiền gửi CASA Vững bước tương lai, Phú quý gia tăng; Huy động tiền gửi tiết kiệm Tích tài phát lộc, Ong vàng tích lũy... Thứ hai, Maritime Bank cũng chú trọng triển khai các dịch vụ gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong giao dịch thường nhật như dịch vụ giao dịch qua email/ Internet banking sử dụng chữ ký số. Thứ ba, các chương trình thi đua nội bộ như: LCs Mobilizer star, Tăng tốc huy động, Trung tâm KNDN xuất sắc cán đích cuối năm... đã thực sự tạo ra không khí thi đua sôi nổi và cạnh tranh lành mạnh giữa các đơn vị kinh doanh, góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực trong hoạt động huy động vốn.

Trong năm 2014, Maritime Bank tiếp tục định hướng tăng trưởng huy động tiền gửi không kỳ hạn, tối đa hóa lợi nhuận thông qua việc triển khai các phân khúc khách hàng huy động vốn, đưa ra các chính sách, sản phẩm, phí, dịch vụ phù hợp với từng phân khúc khách hàng và xây dựng lực lượng bán hàng chuyên biệt cho các sản phẩm phi tín dụng tới từng phân khúc.



Hoạt động tín dụng

Kinh tế Việt Nam năm 2013 mặc dù đã có nhiều chuyển biến so với năm 2012 nhưng vẫn tồn tại những khó khăn nhất định, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp, đặc biệt đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đứng trước khó khăn này, thay vì mở rộng quy mô tín dụng, Maritime Bank định hướng phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả.

Tại thời điểm 31/12/2013, tổng dư nợ của Maritime Bank giảm 5,30% so với năm 2012, đạt 27.409 tỷ đồng. Chủ đạo trong hoạt động tín dụng của Maritime Bank là tín dụng doanh nghiệp, chiếm 82,15% trong tổng dư nợ, trong đó, tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ đạt 15.309 tỷ đồng và tín dụng doanh nghiệp lớn đạt 7.206 tỷ đồng. Luôn xác định khách hàng doanh nghiệp là phân khúc chiến lược, năm 2013, Maritime Bank tiếp tục cải tiến, tái cấu trúc hệ thống để cung cấp sản phẩm và dịch vụ tốt hơn cho nhóm khách hàng này.

Một số hoạt động nổi bật trong mảng tín dụng doanh nghiệp của Maritime Bank:

✓ Liên tục giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo chung của NHNN, giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn tín dụng dễ dàng hơn, tăng hiệu quả kinh doanh cho khách hàng.

✓ Chú trọng triển khai các sản phẩm tín dụng được thiết kế theo nhu cầu giúp khách hàng có thể tiếp cận nguồn vốn với lãi suất thấp nhất: Sản phẩm M-Reset lãi suất ưu đãi với kỳ điều chỉnh lãi suất linh hoạt, sản phẩm cho vay VND với lãi suất siêu cạnh tranh (M-Float/M-Flex).

✓ Cùng cố, tối ưu hóa các quy trình hoạt động và quản trị rủi ro tín dụng trên cơ sở nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại giá trị tối đa cho khách hàng đồng thời quản lý được chất lượng tín dụng.

Ngoài phân khúc khách hàng doanh nghiệp, tín dụng cá nhân cuối năm 2013 đạt 4.892 tỷ đồng, chiếm 18,75% tổng cho vay khách hàng. Năm 2013 đánh dấu sự hình thành của phân khúc khách hàng đại chúng với dư nợ tại thời điểm cuối năm đạt 94 tỷ đồng và số lượng 1.100 khách hàng. Mặc dù tỷ lệ dư nợ còn tương đối khiêm tốn, phân khúc này được đánh giá là phân khúc có nhiều tiềm năng với chất lượng tín dụng tốt và mang lại hiệu quả đầu tư cao, hứa hẹn sự phát triển vượt trội trong những năm tiếp theo.



Các hoạt động kinh doanh khác

Năm 2013 là một năm khởi sắc của Maritime Bank trong hoạt động đầu tư chứng khoán với sự tăng trưởng vượt trội.

✓ Đầu tư chứng khoán

Năm 2013, danh mục đầu tư của Maritime Bank tiếp tục thể hiện tính an toàn cao khi Ngân hàng chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ và các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán khác. Tổng Số dư đầu tư chứng khoán (không bao gồm góp vốn và đầu tư dài hạn) là 33.638 tỷ đồng, so với 30.428 tỷ đồng năm 2012, trong đó, chứng khoán đầu tư chiếm 99,4%, chứng khoán kinh doanh chỉ chiếm 0,6%.

Mặc dù, khối lượng đầu tư kinh doanh chứng khoán năm 2013 không tăng nhiều so với năm 2012 nhưng Maritime Bank đã đạt được kết quả ấn tượng khi lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán năm này đạt 596 tỷ đồng, tăng gần 6 lần so với năm trước (99,8 tỷ đồng).

Đặc biệt, với thành công vượt trội trong hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ, năm 2013 là năm thứ hai liên tiếp Maritime Bank gặt hái được nhiều danh hiệu và phần thưởng quý giá từ các cơ quan chức năng (Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán HNX); đối tác và khách hàng (Hiệp hội Thị trường trái phiếu VBMA), bao gồm:

- Đứng đầu danh sách 10 thành viên tiêu biểu năm 2013 do BTC xét duyệt;
- Đứng đầu về doanh số giao dịch trên thị trường;
- 1 trong 3 ngân hàng chào giá tốt nhất năm 2013

✓ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Maritime Bank đã khẳng định được vị thế là ngân hàng tạo lập thị trường và là đối tác đáng tin cậy của thị trường liên ngân hàng với doanh số giao dịch ngoại tệ năm 2013 tiếp tục tăng trưởng tốt, đạt 47 tỷ đô la Mỹ (quy đổi) so với mức 38,6 tỷ đô la Mỹ (quy đổi) năm 2012 và 29,7 tỷ đô la Mỹ (quy đổi) năm 2011.

Maritime Bank cũng là thành viên chủ chốt trong hoạt động giao dịch với NHNN với tổng doanh số mua bán đạt 705 triệu đô la Mỹ (quy đổi).

✓ Kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng

Năm 2013, hoạt động liên ngân hàng của Maritime Bank giảm về mặt quy mô nhưng vẫn tiếp tục duy trì được hiệu quả kinh doanh cao.

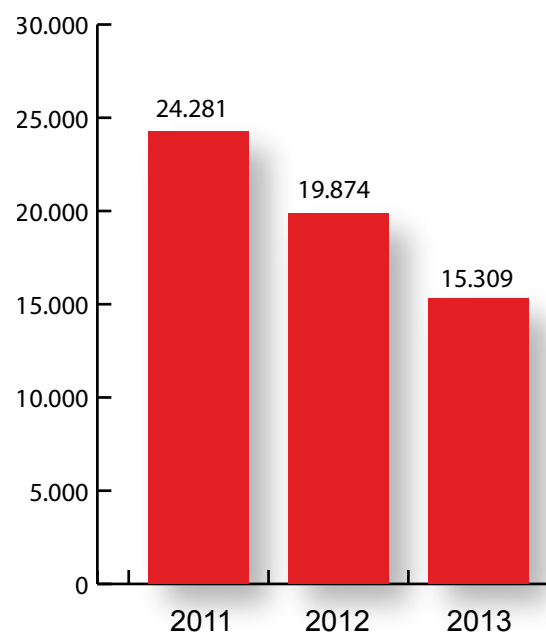
Tính đến 31/12/2013, tổng huy động từ các tổ chức tín dụng (bao gồm cả tiền gửi và tiền vay) đạt 24.398 tỷ đồng, giảm 19,3% so với năm 2012; Dư nợ cho vay/gửi tại các tổ chức tín dụng ở mức 24.693 tỷ đồng, giảm 14,8% so với năm 2012. Tín dụng trên thị trường liên ngân hàng giảm, một phần do thanh khoản của các ngân hàng tốt hơn, một phần do Maritime Bank kiểm soát chặt chẽ hơn trong hoạt động cho vay để hạn chế rủi ro.

✓ Hoạt động kinh doanh vàng

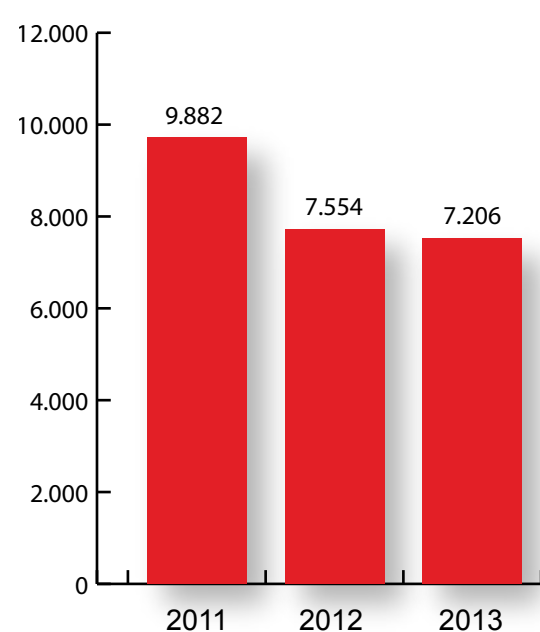
Là một trong những ngân hàng đầu tiên được NHNN cấp phép giao dịch vàng miếng, Maritime Bank tham gia thường xuyên vào hoạt động đấu thầu vàng của NHNN và là đơn vị tích cực trong việc triển khai các chính sách về vàng theo định hướng của NHNN. Mục tiêu của Maritime Bank là góp phần tạo ra các giá trị gia tăng cho khách hàng cá nhân khi tham gia giao dịch với ngân hàng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng như tích trữ, đảm bảo an toàn và sinh lời từ tài sản của khách hàng. Với những nỗ lực này, tổng doanh số giao dịch vàng năm 2013 của Maritime Bank đã tăng gấp 2,5 lần so với năm 2012.

✓ Hoạt động tài trợ thương mại

Song hành với hoạt động tín dụng, hoạt động tài trợ thương mại cũng có một năm nhiều khó khăn và biến động. Nhìn chung, so với năm 2012, doanh số từ dịch vụ tài trợ thương mại đều có xu hướng giảm trong năm 2013, ngoại trừ doanh số từ dịch vụ nhập khẩu giữ ở mức tương đối ổn định là 3.854 tỷ đồng. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Maritime Bank vẫn luôn giữ vị thế cạnh tranh và không ngừng đổi mới để đem lại các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Trong năm 2013, Maritime Bank đã chính thức cung cấp dịch vụ xác thực bảo lãnh trực tuyến và xác thực qua điện thoại, đáp ứng nhu cầu xác thực bảo lãnh của mọi khách hàng. Tạo lập được sự tin tưởng về chất lượng dịch vụ, Maritime Bank tiếp tục được các ngân hàng đối tác như Wells Fargo, ICB, ANZ... cấp và tăng hạn mức tín dụng trong hoạt động tài trợ thương mại.



Tín dụng SME trong 3 năm



Tín dụng LCs trong 3 năm

Dư nợ tín dụng của KHDN lớn, KHDN vừa và nhỏ trong 3 năm gần nhất

Đơn vị: Tỷ đồng



Phát triển sản phẩm

Với mục tiêu đa dạng hóa danh mục sản phẩm phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, Maritime Bank đã cho ra đời hàng loạt sản phẩm mới với nhiều tiện ích hàng đầu, tiên tiến trên thị trường tài chính và phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

☑ Thẻ tín dụng Maritime Bank Platinum White và Maritime Bank Blue



Tiếp nối thành công của sản phẩm thẻ tín dụng cao cấp Platinum trong năm trước, tháng 09/2013 đánh dấu sự ra đời của 02 sản phẩm Thẻ tín dụng Maritime Bank Platinum White và Maritime Bank Blue với mục tiêu mang đến cho khách hàng nhiều lựa chọn trải nghiệm độc đáo và thú vị.

“Trải nghiệm đẳng cấp Platinum”, “Khám phá thế giới đặc quyền” và mang lại “Cuộc sống thuận tiện hơn” là những yếu tố cốt lõi mà thẻ tín dụng Maritime Bank muốn gửi tới khách hàng thông qua những ưu đãi lớn: hạn mức tối đa lên đến 1 tỷ đồng, đặc quyền sử dụng rất nhiều dịch vụ ưu đãi đi kèm như dịch vụ phòng chờ cao cấp Priority Pass, bảo hiểm du lịch toàn cầu, chương trình điểm thưởng hấp dẫn và các đặc quyền ưu đãi khác từ Maritime Bank và các đối tác.

Với sự ra đời của 02 sản phẩm mới, số lượng thẻ tín dụng tính đến cuối năm 2013 đạt 8.500 thẻ, tăng 7.000 thẻ so với năm 2012, với tổng chi tiêu lên tới 300 tỷ đồng, hứa hẹn một năm 2014 bùng nổ mạnh mẽ về cả số lượng lẫn chất lượng.



☑ Gói tín dụng lãi suất linh hoạt M-Reset

Cùng với M-Flex và M-Float, trong năm 2013, Maritime Bank đã hoàn thiện gói sản phẩm 3M, đánh dấu bằng sự ra đời của sản phẩm M-Reset. Với sản phẩm này, ngoài việc được hưởng mức lãi suất đặc biệt ưu đãi, khách hàng có thể linh hoạt lựa chọn kỳ điều chỉnh lãi suất phù hợp với nhu cầu và tình hình kinh doanh của mình. Được sự hưởng ứng của khách hàng, tính đến cuối năm 2013, sản phẩm M-Reset đạt doanh số giải ngân ấn tượng là 7.400 tỷ đồng.



**GÓI SẢN PHẨM 3M
CHO VAY VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI
DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**

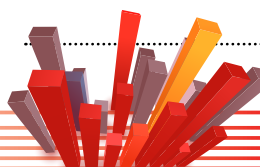
☑ Sản phẩm Bancassurance: M-Homecare và M-Auto

Là một trong những ngân hàng đi đầu trong hoạt động bancassurance tại Việt Nam, Maritime Bank không ngừng mở rộng, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Trên tinh thần đó, tháng 4/2013, sản phẩm M-Homecare ra đời, đem lại cho khách hàng nhiều quyền lợi ưu việt hơn các sản phẩm bảo hiểm nhà thông thường như: không cần định giá ngôi nhà, không phải kê khai tài sản bên trong, thủ tục tham gia bảo hiểm đơn giản thuận tiện với mức phí ưu đãi nhất trên

thị trường đi kèm với nhiều quyền lợi gia tăng khác.

Sau hơn 4 tháng triển khai, sản phẩm M-Homecare đã thu hút được sự tham gia của hơn 2.000 khách hàng. Nổi tiếp thành công này, Maritime Bank và Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện Việt Nam PTI tiếp tục ra mắt sản phẩm M-Auto. Khách hàng tham gia dịch vụ của M-Auto sẽ nhận được nhiều quyền lợi vượt trội như miễn phí cứu hộ 24/7, giám định tại điểm yêu cầu, được lựa chọn cơ sở sửa chữa... Ngoài ra, Maritime Bank còn cung cấp thêm chương trình bảo hiểm hạng Vàng với các dịch vụ đặc biệt hấp dẫn, tính năng ưu việt, hướng tới các khách hàng cao cấp, mang lại cho họ những trải nghiệm đẳng cấp với dịch vụ bảo hiểm xe ô tô hoàn hảo.



Phát triển mạng lưới và kênh phân phối

Trong năm 2013, Maritime Bank chú trọng phát triển toàn diện các kênh giao dịch, đặc biệt là kênh điện tử nhằm mang đến sự thuận tiện, linh hoạt cho khách hàng.



☑ Điểm giao dịch

Với mục tiêu không ngừng đổi mới, hướng tới sự hài lòng của khách hàng và tối ưu hóa mô hình hoạt động, Maritime Bank đã thực hiện rà soát, cơ cấu lại mạng lưới giao dịch trong năm 2013. Tính đến thời điểm cuối năm, hệ thống mạng lưới của Maritime Bank đã có 220 điểm giao dịch trên toàn quốc trong đó 7 điểm giao dịch có phòng chờ đặc biệt FCB (First Class Banking Lounges) cho khách hàng cao cấp.

☑ ATM

Năm 2013, số máy ATM trên toàn hệ thống Maritime Bank là 426, trong đó đã triển khai tăng thêm 56 máy, tập trung tại những khu vực/thành phố đông dân cư, khu dịch vụ trả lương và các tòa nhà cao tầng. Với số lượng này, Maritime Bank hiện đang đứng trong top 5 ngân hàng TMCP có hệ thống ATM lớn nhất toàn quốc.

☑ Ngân hàng điện tử M-banking

Internet Banking: Dịch vụ Internet Banking của Maritime Bank luôn được đổi mới, tập trung vào việc nâng cao chất lượng các dịch vụ cung cấp tới khách hàng cũng như bổ sung thêm tính năng mới nhằm đa dạng hóa nhu cầu dùng các kênh thanh toán của khách hàng.

Mobile Banking: Đầu năm 2013, Maritime Bank tiếp tục ra mắt dịch vụ Mobile App hoàn toàn mới với việc tập trung vào trải nghiệm khách hàng trên thiết bị di động và bổ sung các tính năng ưu việt giúp khách hàng giao dịch được nhanh chóng và thuận lợi. So với năm 2012, số lượng giao dịch qua Mobile App trong năm 2013 đã tăng lên 165%.

SMS Banking: SMS Banking tiếp tục có một năm thành công với mức tăng trưởng dịch vụ tăng 43% so với năm 2012. Định hướng của Maritime Bank đối với dịch vụ SMS Banking là chú trọng vào nâng cao chất lượng dịch vụ, không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng, cung cấp cho khách hàng một kênh giao dịch tiện ích, đơn giản, mọi lúc mọi nơi.

Thanh toán trực tuyến bằng dịch vụ M-Paynow: Dịch vụ thanh toán thẻ trực tuyến tiếp tục được Maritime Bank quảng bá, giới thiệu và khuyến khích khách hàng sử dụng. Cùng với các đối tác thanh toán trung gian, Maritime Bank đã thực hiện rà soát và nâng cao chất lượng để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

☑ Dịch vụ ưu đãi tăng thêm cho khách hàng: Cộng đồng ưu đãi M-smart

Năm 2013, việc tìm kiếm, hợp tác cùng nhiều đối tác uy tín, đẳng cấp tiếp tục được Maritime Bank đẩy mạnh. Đây không chỉ được coi là một kênh tiếp cận khách hàng hiệu quả mà còn nhằm tăng thêm những ưu đãi vượt trội cho các chủ thẻ Maritime Bank. Tới

cuối năm 2013, Ngân hàng đã thiết lập thành công mối quan hệ với 700 đối tác và có trên 1.000 điểm ưu đãi dành cho chủ thẻ Maritime Bank. Thông qua đó, 75 chương trình hợp tác đã được triển khai. Trung bình mỗi tháng, các khách hàng được hưởng 6 chương trình ưu đãi với mức ưu đãi áp dụng lên đến 50% hàng tháng cùng với nhiều chương trình tài trợ, khuyến mãi dành cho các khách hàng có doanh số chi tiêu qua thẻ lớn. Đối với phân khúc khách hàng cao cấp, Maritime Bank đã phối hợp với các đối tác tổ chức thành công Hội nghị chuyên đề cho khách hàng là thành viên của First Class Banking và nhận được nhiều sự phản hồi tích cực.



Chất lượng dịch vụ

☑ Cơ sở vật chất

Các khảo sát của Maritime Bank cho thấy, trong năm 2013, cơ sở vật chất của Ngân hàng không ngừng được cải thiện. Để phục vụ khách hàng tốt hơn, Maritime Bank thực hiện tái cấu trúc lại mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch, tập trung vào chất lượng thay vì phát triển số lượng. Ngoài ra, Ngân hàng cũng chú trọng đầu tư không gian giao dịch và làm việc của các đơn vị kinh doanh theo hướng hiện đại, thân thiện với khách hàng. Năm 2013, Maritime Bank tiếp tục duy trì và có định hướng phát triển chương trình First Class Banking dành cho phân khúc khách hàng cao cấp với không gian riêng biệt, sang trọng và thuận tiện khi giao dịch tại Ngân hàng.

☑ Tập trung hóa tác nghiệp

Tiếp tục quá trình thực hiện tối ưu hóa các đơn vị nghiệp vụ và Hỗ trợ tại Hội sở chính và các đơn vị kinh doanh đã thực hiện từ năm 2012, trong năm 2013, Maritime Bank đã thực hiện thành công Dự án tập trung hóa tác nghiệp tại quầy – tập trung toàn bộ giao dịch viên, kiểm soát viên trên toàn hệ thống về trực thuộc sự quản lý và chỉ đạo nghiệp vụ của Khối Công nghệ và Vận hành.

Việc tác nghiệp tại quầy đã có sự thay đổi đáng kể về mô hình và phương thức phục vụ. Theo mô hình phân tán trước đây, mỗi ngân hàng chuyên doanh tại Maritime Bank có một bộ phận giao dịch độc lập phục vụ cho từng phân khúc khách hàng. Sau khi tập trung tác nghiệp dịch vụ khách hàng về Khối Công Nghệ và Vận hành, tại mỗi điểm giao dịch của Maritime Bank chỉ có



duy nhất một bộ phận dịch vụ khách hàng phục vụ cho tất cả các khách hàng giao dịch. Mô hình mới không chỉ góp phần hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu suất giao dịch và đồng nhất chất lượng dịch vụ mà còn giúp tối ưu hóa nguồn lực, tiết kiệm chi phí về cơ sở vật chất và nhân sự cho Ngân hàng. Đi theo mô hình này, các chỉ tiêu giám sát và chất lượng giao dịch tại quầy, quản lý nhân sự cũng được xây dựng đồng thời và thực hiện đo lường hàng quý/hàng tháng:

- Bộ chỉ tiêu Chất lượng dịch vụ gồm 28 chỉ tiêu về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ tại các điểm giao dịch, 12 chỉ tiêu cam kết về thời gian tiêu chuẩn thực hiện các giao dịch tại quầy.

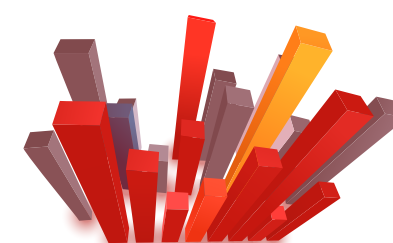
- Hệ thống KPIs (Bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu suất lao động) nhằm đánh giá hiệu suất lao động của nhân viên và đảm bảo tính tuân thủ, đồng thời đảm bảo hỗ trợ các đơn vị kinh doanh trong công tác bán hàng.

Với phương châm không ngừng cải thiện và nâng cao hiệu suất giao dịch cũng như chất lượng dịch vụ, bên cạnh việc tinh giản nhân sự, tối ưu hóa hiệu suất lao động, Maritime Bank đã nỗ lực duy trì những chỉ tiêu cam kết chất lượng dịch vụ (Service Level Agreements – SLAs) của các mảng nghiệp vụ luôn đạt

trên 95%. Toàn bộ mảng nghiệp vụ từ hành chính, kho quỹ, quản lý tài sản, trung tâm thanh toán, tác nghiệp định chế tài chính, tác nghiệp thẻ và ngân hàng điện tử, tổng đài chăm sóc khách hàng đến dịch vụ khách hàng đều vận hành ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài.

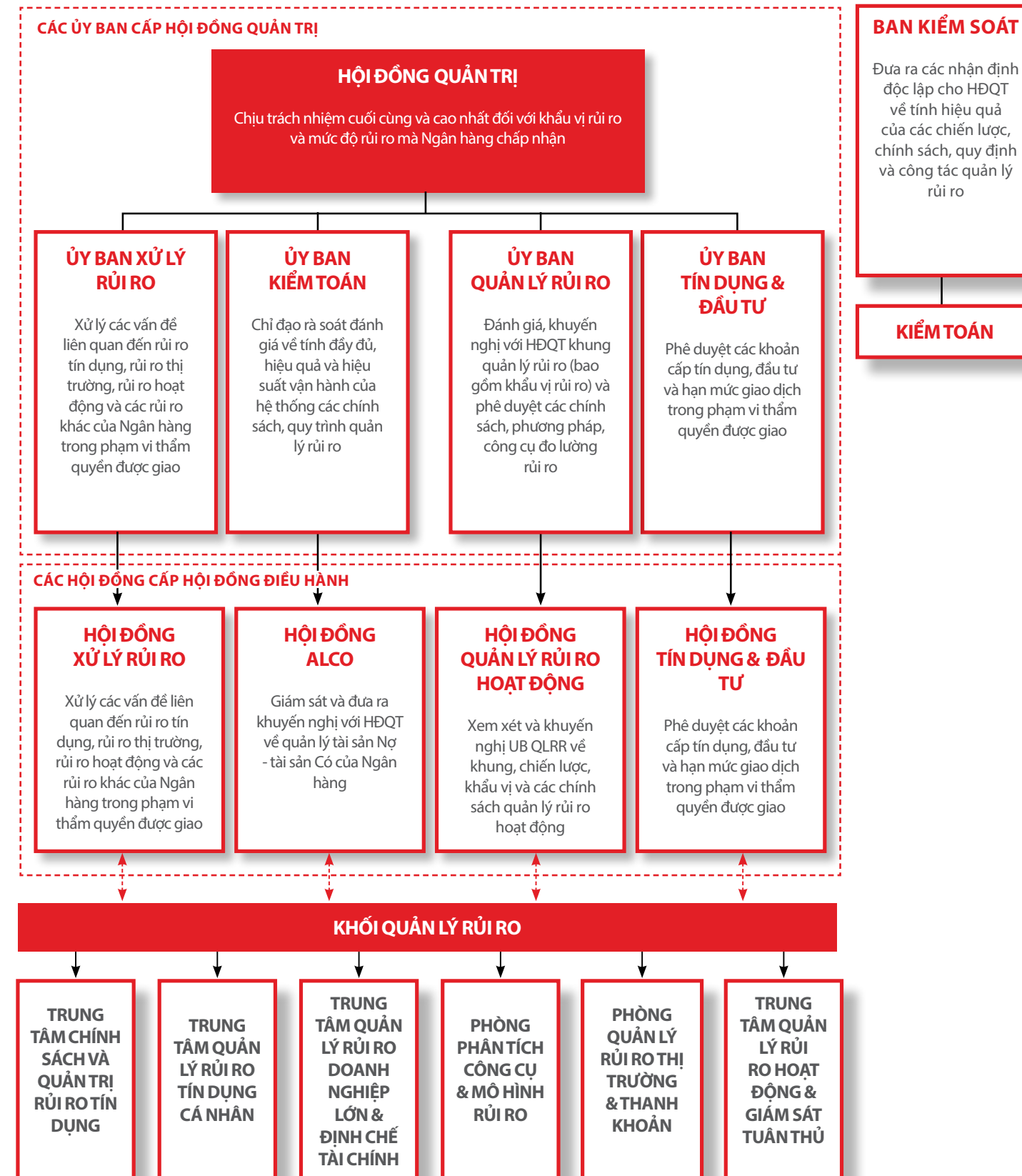
✓ **Nâng cao chất lượng nhân viên**

Bên cạnh việc tập trung nâng cao cơ sở vật chất, cải tiến các quy trình giao dịch, Maritime Bank luôn xác định yếu tố nhân lực mới thực sự đóng vai trò quan trọng nhất trong việc đảm bảo chất lượng dịch vụ. Trong năm 2013, Maritime Bank đã tổ chức nhiều khóa đào tạo nghiệp vụ cho các nhóm giao dịch viên, kiểm soát viên nhằm trang bị và củng cố các kỹ năng nghiệp vụ cũng như kỹ năng mềm trong quá trình giao tiếp và bán hàng. Định kỳ hàng tháng/quý, Maritime Bank có các chương trình gặp gỡ trực tiếp hoặc qua điện thoại để khảo sát ý kiến đánh giá của khách hàng về thái độ làm việc, chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ nhân viên để có các chấn chỉnh kịp thời các cán bộ thường xuyên tham gia vào các kỳ kiểm tra nghiệp vụ trực tuyến nhằm nâng cao ý thức tìm hiểu, trau dồi nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu cao nhất của khách hàng.



Quản trị rủi ro

✓ **Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro của Maritime Bank**



☑ Dự án đào tạo quản trị rủi ro nội bộ (Risk Academy)

Trong năm 2013, Maritime Bank tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu và triển khai thành công nhiều chương trình quản lý rủi ro quan trọng, đặc biệt là phát triển và hoàn thiện chương trình đào tạo Risk Academy. Đây là một chương trình đào tạo về quản lý rủi ro toàn diện giúp Ngân hàng có cách nhìn mới và thống nhất về quản lý rủi ro theo hướng hiện đại, hiệu quả theo tiêu chuẩn Basel II nhằm xây dựng văn hóa quản lý rủi ro riêng của Maritime Bank.

Dự kiến, trong năm 2014, Ngân hàng sẽ mở rộng hơn nữa việc triển khai đào tạo Risk Academy trên toàn hệ thống cùng với các dự án khác để sẵn sàng cho việc áp dụng Basel II theo định hướng của NHNN.

☑ Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro tín dụng

Năm 2013, Maritime Bank hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro tín dụng: thành lập các đơn vị quản lý rủi ro tín dụng cho từng phân khúc khách hàng chuyên biệt: Doanh nghiệp, Doanh nghiệp lớn và Định chế tài chính, Cá nhân, Ngân hàng Đại chúng. Đồng thời, Ngân hàng cũng hoàn thiện và tiếp tục triển khai các nguyên tắc khung về Quản lý rủi ro tín dụng, Bộ chỉ tiêu quản lý rủi ro tín dụng, áp dụng các chính sách tín dụng khác nhau theo từng đối tượng khách hàng, hướng tới mục tiêu cân bằng lợi nhuận và rủi ro.

Nhằm nâng cao chất lượng đo lường, cảnh báo và quản lý rủi ro tín dụng, các mô hình rủi ro tín dụng tại Maritime Bank đã được rà soát, nâng cấp, xây dựng mới, sử dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng. Trong năm 2013, Maritime Bank đã xây dựng thành công Công cụ xếp hạng khách hàng tiểu thương, Công cụ sàng lọc và xếp hạng khách hàng doanh nghiệp (CSC) và Công cụ cảnh báo sớm nợ rủi ro đối với khách hàng doanh nghiệp (EW). Maritime Bank đã và đang từng bước rà soát các mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ, chuẩn bị cơ sở dữ liệu đảm bảo tuân thủ Thông tư 02 của NHNN, tiến tới tuân thủ thông lệ quản trị rủi ro quốc tế Basel II.

Bên cạnh đó, Maritime Bank tiến hành giám sát rủi ro tín dụng theo các thông lệ tốt nhất. Kết quả giám sát được báo cáo thường xuyên đối với NHNN và nội bộ Maritime Bank, tạo kênh thông tin và quản trị thông tin tín dụng, là cơ sở cho các hoạt động xử lý nợ xấu, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động quản lý rủi ro thị trường được đảm bảo chu trình quản lý rủi ro cơ bản từ nhận diện, đo lường, xử lý và giảm thiểu rủi ro, giám sát và báo cáo rủi ro. Trong năm 2013, công tác quản lý rủi ro thị trường tiếp tục có nhiều bước phát triển khi Maritime Bank triển khai kênh báo cáo hàng ngày đến từng bộ phận kinh doanh (báo cáo Desk - ngoại tệ, trái phiếu, phái sinh, vàng). Với kênh

báo cáo này, hệ thống báo cáo rủi ro thị trường cung cấp đầy đủ thông tin về trạng thái rủi ro và tình hình tuân thủ hạn mức cho cấp giao dịch viên, các quản lý cấp trung đến cấp quản lý cao nhất của Ngân hàng (lãnh đạo Khối Quản lý Rủi ro, Ngân hàng Định chế Tài chính, ALCO, HĐQT).

Bên cạnh đó, hệ thống hạn mức quản lý rủi ro thị trường tiếp tục được ALCO rà soát song song với việc triển khai hệ thống kiểm tra giá giao dịch so với giá thị trường đã giúp cho công tác quản lý rủi ro phù hợp với thực tế kinh doanh. Công tác đo lường rủi ro thị trường đã đạt được những tiến bộ vượt bậc khi triển khai chính thức báo cáo đánh giá lãi lỗ kinh doanh ngoại tệ theo đúng tiêu chuẩn quốc tế (bao gồm yếu tố tỷ giá, lãi suất và yếu tố dòng tiền).

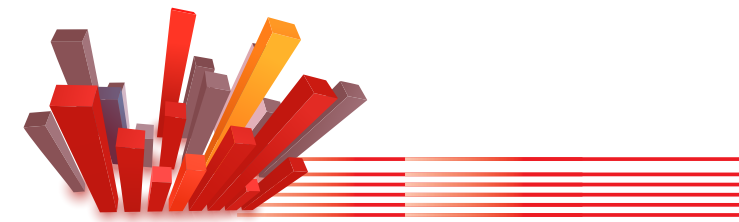
Quản lý rủi ro thanh khoản

Năm 2013, công tác quản lý rủi ro thanh khoản được cải thiện và nâng cao, thanh khoản của Maritime Bank luôn đảm bảo tốt. Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách, đặc biệt, trong năm đã ban hành quy định về thực hiện kiểm tra khả năng chịu đựng rủi ro thanh khoản (stress test) và kế hoạch dự phòng thanh khoản. Các mô hình hành vi (đối với tiền gửi và cho vay) được rà soát và sửa đổi đồng thời phát triển tự động hóa các công cụ giúp công tác đo lường rủi ro thanh khoản chính xác và hiệu quả hơn. Trong năm, ALCO chú trọng thực hiện tái cấu trúc nguồn huy động, thiết lập mới các hạn mức quản lý rủi ro thanh khoản (khe hở thanh khoản 1 tháng, đầu tư trái phiếu Chính phủ tối thiểu, tập trung tiền gửi theo kỳ hạn...) nhằm nâng cao quản lý rủi ro thanh khoản trong cả ngắn hạn và dài hạn.

Quản lý rủi ro hoạt động

Năm 2013 đánh dấu những bước tiến về chiều sâu của hoạt động quản lý rủi ro hoạt động tại Maritime Bank. Tiếp nối thành công của năm trước, Hội đồng Quản lý Rủi ro hoạt động tiếp tục hoạt động đều đặn và hiệu quả, triển khai nhiều hành động quan trọng giúp giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng. Dự án Quản lý Hoạt động kinh doanh liên tục (BCM) đã chuyển sang đầu tư và triển khai giai đoạn 2, đánh giá rủi ro tổng thể về rủi ro thê và ngân hàng điện tử lần đầu tiên được thực hiện, tạo cơ sở tiền đề cho việc nhận diện cho bộ phận kinh doanh xác định khẩu vị rủi ro. Hệ thống phần mềm Quản lý Rủi ro hoạt động được nâng cấp với nhiều tính năng mới và có khả năng tương tác giữa các đơn vị kiểm soát như Kế toán, Tác nghiệp Tín dụng, Kiểm toán, Vận hành... để quản trị toàn hệ thống. Các công việc về thu thập tổn thất, tự đánh giá rủi ro, theo dõi chỉ số rủi ro chính được đầu tư và phát triển về chiều sâu. Văn hóa quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được lan tỏa và nhận thức về rủi ro hoạt động được nâng cao trên phạm vi toàn Maritime Bank.

Công tác phòng, chống rửa tiền (AML) tiếp tục được thực hiện tuân thủ quy định, đã phát hiện, báo cáo 01 vụ việc có dấu hiệu tội phạm, ngăn chặn được thiệt hại 40.978,19 đô la Mỹ. cho khách hàng, nâng cao uy tín của Maritime Bank. Trong năm 2014, phần mềm AML sẽ được cơ bản triển khai, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về công tác phòng chống rửa tiền cho Ngân hàng.



Đầu tư công nghệ

Những năm gần đây, với chiến lược phát triển công nghệ thông tin làm nền tảng cho việc phát triển các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng, hệ thống công nghệ thông tin của Maritime Bank có sự thay đổi mạnh mẽ cả về lượng và chất, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển chung của Ngân hàng. Tuy nhiên, môi trường hoạt động ngày càng mở rộng, việc hội nhập ngày càng sâu vào các thị trường trong khu vực và thế giới khiến xuất hiện ngày càng nhiều rủi ro công nghệ trong hoạt động ngân hàng. Đứng trước những thách thức đó, năm 2013, ngoài việc thực hiện phát triển các sản phẩm mới, không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các hệ thống hiện tại, Maritime Bank đặt trọng tâm vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, phòng chống các rủi ro công nghệ, cụ thể:

☑ Hoạt động phát triển sản phẩm

Năm 2013, Maritime Bank đã thực hiện triển khai 44 dự án với quy mô khác nhau nhằm phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ; thực hiện hơn 100 yêu cầu thay đổi nhằm cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động của các sản phẩm hiện có. Nhiều dự án tiêu biểu đã và đang được triển khai như VISA Acquiring, ATM WAY 4, Mobile APP, ERP Implementation... Các sản phẩm hoàn thành đã góp phần nâng cao vị thế và hình ảnh của Maritime Bank trên thị trường tài chính Việt Nam.

☑ Chất lượng các dịch vụ công nghệ

Song song với việc đẩy mạnh phát triển và triển khai các sản phẩm, Maritime Bank cũng rất chú trọng đến việc duy trì chất lượng của các dịch vụ công nghệ hiện có bằng việc đầu tư mới, nâng cấp các nền tảng hệ thống và bổ sung, cải tiến các quy trình, quy định trong công tác vận hành hệ thống. Chính vì vậy, tính liên tục và ổn định trong hoạt động của các hệ thống công nghệ thông tin luôn được duy trì ở mức cao, mức độ sẵn sàng hệ thống thường xuyên ở mức $\geq 99\%$.

Việc triển khai/áp dụng tiêu chuẩn ITIL, nâng cao nhận thức của CBNV trong việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế để hỗ trợ công việc đã giúp cải thiện đáng kể thời gian hỗ trợ và xử lý



yêu cầu công nghệ trong suốt năm 2013. Trung bình, trên 300 yêu cầu được tiếp nhận từ hơn 4.000 cán bộ mỗi ngày nhưng thời gian hỗ trợ 1 yêu cầu chỉ còn khoảng 2 giờ/ yêu cầu (giảm ½ so với thời điểm đầu năm).

☑ Đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục

Đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục có ý nghĩa sống còn để thành công trong kinh doanh. Nhận thức được tầm quan trọng này, Maritime Bank đã tập trung nhiều nguồn lực vào việc thực hiện dự án Quản lý hoạt động kinh doanh liên tục từ những tháng giữa năm 2013. Hiện tại, Khối Công nghệ và Vận hành đang phối hợp với Khối Quản lý Rủi ro và các chuyên gia tư vấn để đánh giá các nguy cơ, rủi ro trên toàn hệ thống, từ đó lên kế hoạch, thiết kế kịch bản ứng phó với các nguy cơ nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục và bền vững của Maritime Bank. Dự án dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2014.

☑ Đảm bảo an ninh thông tin

Trong bối cảnh liên tục xuất hiện các vụ tấn công qua mạng gây mất mát thông tin, đánh cắp tài sản, gián đoạn hoạt động kinh doanh của nhiều tổ chức trên thế giới, Maritime Bank đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm đảm bảo an ninh thông tin, nâng cấp các hệ thống bảo mật với các công nghệ mới nhất nhằm chống lại các cuộc tấn công từ bên ngoài vào hệ thống giao dịch điện tử, kiểm soát việc thất thoát thông tin nhằm giảm thiểu rủi ro mất thông tin khách hàng.

Tại Maritime Bank, hệ thống tăng cường an ninh theo chuẩn mực Quốc tế ISO 27001 cũng đang được xây dựng cho Khối Công nghệ và Vận hành. Dự kiến, việc đánh giá hệ thống sẽ hoàn thành vào tháng 8/2014.

Trong năm 2013, Maritime Bank tiếp tục kiện toàn, củng cố hoạt động công nghệ ngân hàng theo hướng thuê ngoài các dịch vụ công nghệ nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực, chi phí công nghệ theo chiến lược đã thực hiện từ năm 2012.



Uơm mầm giá trị,
gặt hái tin yêu!



PR và Phát triển thương hiệu

Lựa chọn thông điệp truyền thông: **22 năm - Uơm mầm giá trị, gặt hái tin yêu** chạy suốt năm 2013, có thể nói, Maritime Bank đã thành công với mục tiêu củng cố hình ảnh một thương hiệu có lịch sử phát triển lâu dài, thân thiện và đáng tin cậy. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế vẫn ảnh hưởng sâu rộng tới mọi lĩnh vực, ấn tượng về sự vững vàng, giàu kinh nghiệm và bình ổn đã trở thành điểm cộng cho thương hiệu Maritime Bank đối với không chỉ các khách hàng thân thiết. Chiến lược khẳng định thương hiệu bằng sự khác biệt tiếp tục được Maritime Bank triển khai trong năm 2013. Thay vì ghi dấu ấn bằng những TVC quảng cáo trên truyền hình, Ngân hàng đầu tư cho 2 mũi nhọn chính: khách hàng và đội ngũ CBNV. Với khách hàng, căn cứ trên kết quả nghiên cứu thị trường, xác

định thói quen, nhu cầu của từng nhóm đối tượng, Maritime Bank xây dựng những sản phẩm, dịch vụ đặc trưng đi kèm các kênh giới thiệu phù hợp và những chương trình ưu đãi chuyên biệt nhằm gia tăng độ trung thành thương hiệu đồng thời thu hút khách hàng mới bằng sức mạnh WOM (word of mouth). Với CBNV, thông qua việc trang bị các kỹ năng mềm và nhiều hoạt động PR nội bộ, Maritime Bank đã xây dựng được một đội ngũ CBNV không chỉ vững chuyên môn mà còn gần gũi, yêu thích và tin tưởng sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng. Chuyên nghiệp, nhiệt thành và tận tâm, CBNV Maritime Bank đã thực sự trở thành những đại sứ thương hiệu đầy thiện chí. Bên cạnh đó, việc hợp tác với những thương hiệu đẳng cấp cũng là một trong các kênh Maritime Bank lựa chọn để cung cấp thêm nhiều tiện ích cho khách hàng đồng thời khẳng định tên tuổi và uy tín của chính mình.



Hoạt động xã hội

Thời gian	Hoạt động
Tháng 3/2013	Hỗ trợ thiết bị y tế cho xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
Tháng 6/2013	Trao quà cho học sinh nghèo tại Hải Dương, Quảng Bình, Đà Nẵng, Cần Thơ và Lâm Đồng qua chương trình Smiling Tomorrow
	Trao quà cho Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em tàn tật Thụy An (xã Thụy An, thị xã Sơn Tây, Hà Nội)
Tháng 7/2013	Góp phần xây dựng nông thôn mới xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
	Trao tặng 400 chiếc ô che mưa, nắng cho Phòng Cảnh sát Giao thông, Công An Thành phố Hà Nội
Tháng 9/0213	Trao quà cho các bệnh nhi nghèo, học sinh nghèo vượt khó tại các tỉnh Phú Thọ, Hải Phòng, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Vũng Tàu, Kiên Giang, Tiền Giang qua chương trình “Đêm hội Trăng rằm”
Tháng 10/2013	Đồng hành cùng chương trình “Khuyến học, khuyến tài - Chắp cánh ước mơ” và đóng góp vào Quỹ “Khuyến học, khuyến tài Đất Tổ”
	Trao tặng 100 chiếc ô che mưa, nắng cho Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an tỉnh Phú Thọ
Tháng 11/2013	Trao tặng 60 chiếc ô che mưa, nắng cho Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an tỉnh Phú Yên
	Trao quà cứu trợ cho 700 em học sinh và gần 200 hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Hà Tĩnh, Quảng Bình
	Ủng hộ Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thừa Thiên - Huế nhằm khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra
Tháng 12/2013	Thăm hỏi và tặng quà cho các Mẹ Việt Nam anh hùng huyện Cần Giò, TP. HCM

2014-2016

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 VÀ GIAI ĐOẠN 2014 - 2016

Định hướng

Với nền tảng vững chắc đã đạt được thông qua việc triển khai chiến lược kinh doanh mới từ năm 2010 cũng như tiếp nối thành công của năm 2013, Maritime Bank tự tin tiếp tục bám sát định hướng đã đề ra:

- ▶ Phát triển theo hướng trở thành một ngân hàng đa năng, tập trung chủ yếu vào khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, tạo sự khác biệt thông qua chất lượng sản phẩm và dịch vụ;
- ▶ Tăng cường đầu tư và phát triển mạnh mẽ cho các phân khúc thị trường, khách hàng có tiềm năng, tạo lập thị trường và sức mạnh cạnh tranh;
- ▶ Đặt mục tiêu an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững lên hàng đầu;
- ▶ Mang lại lợi ích kinh tế tới các cổ đông;
- ▶ Tăng trưởng ổn định các chỉ tiêu tài chính.

Kế hoạch hoạt động

▶ Thực hiện các mục tiêu tài chính:

- Nâng tổng tài sản của Ngân hàng với xu thế tăng tỷ trọng tài sản từ phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ, giảm tỷ trọng đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và đầu tư cổ phiếu;
- Tăng trưởng bền vững doanh thu thuần với mục tiêu tối thiểu 15% doanh thu từ phí vào năm 2015;
- Bảo đảm chất lượng tài sản với tỉ lệ nợ xấu luôn dưới quy định của NHNN.

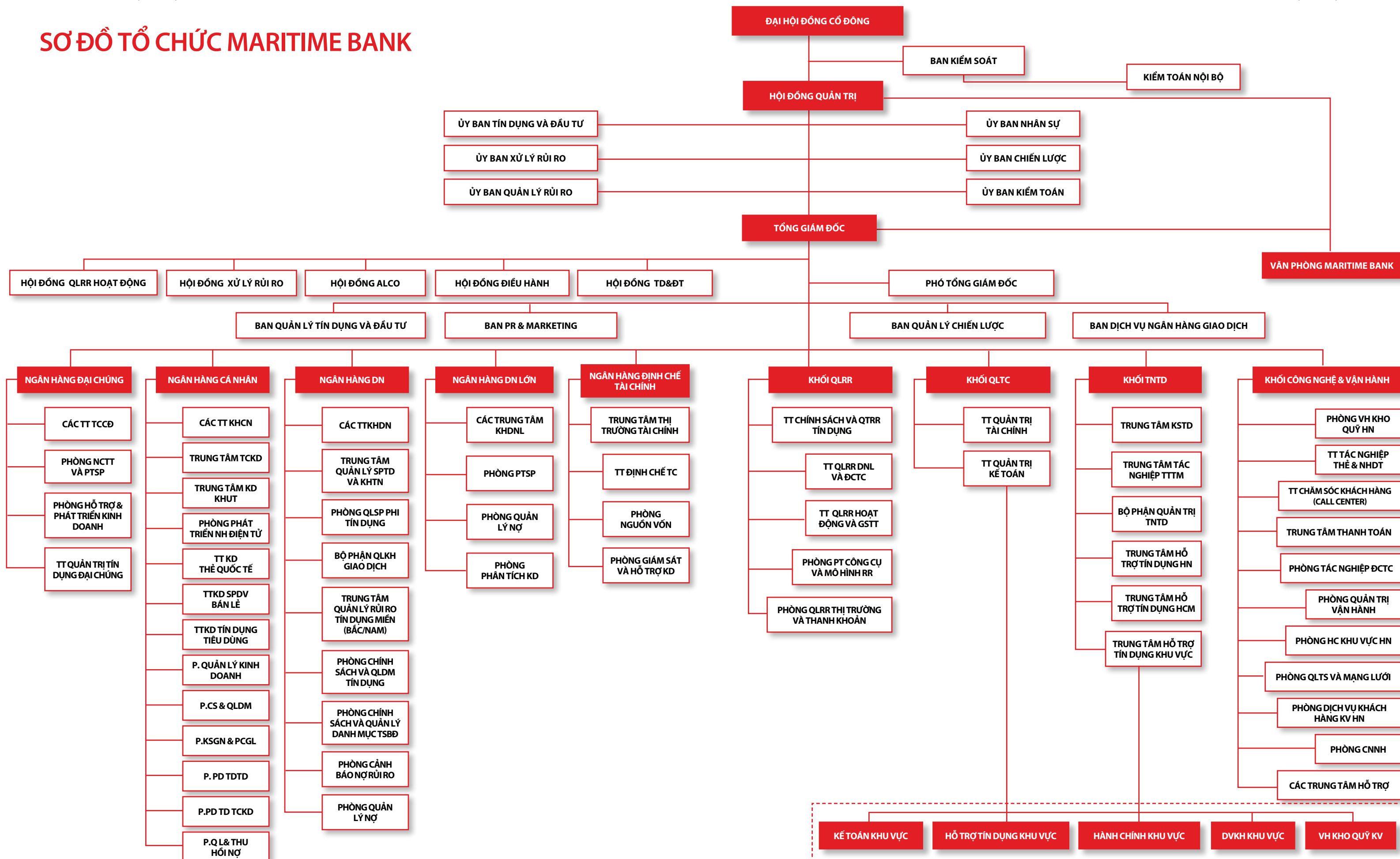
▶ Tập trung đẩy mạnh tiến trình chuyển đổi cơ cấu thu nhập từ tín dụng sang dịch vụ trong năm 2014-2015 thông qua việc phát triển dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng một cách an toàn, hiệu quả.

- Tiếp tục tổ chức rà soát hiệu quả hoạt động của mạng lưới giao dịch hiện tại, đảm bảo tính hiệu quả trên từng điểm giao dịch;
- Tích cực đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin, các hệ thống dự phòng, đảm bảo nâng cao năng lực, khả năng bảo mật của hệ thống chống thất thoát dữ liệu của khách hàng và Ngân hàng;
- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro tuân thủ theo tiêu chí Basel II bao gồm việc triển khai chương trình đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục (BCP);
- Xác định cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân là đối tượng khách hàng và loại hình cho vay chính của Ngân hàng trong năm 2014-2015;
- Tích cực tập trung xử lý nợ xấu, xây dựng lộ trình trích lập dự phòng, đảm bảo tuân thủ Thông tư 02 đúng thời điểm có hiệu lực.

Cơ cấu tổ chức nhân sự và quản trị nhân lực

Tổ chức bộ máy của Maritime Bank trong năm 2013 tiếp tục được cơ cấu theo hướng điều hành tập trung, phân quyền quản lý theo chức năng chuyên môn hóa, đồng thời chú trọng kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, tinh giản bộ máy và làm tăng năng suất lao động.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC MARITIME BANK



NHÂN SỰ CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, BAN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG TRẦN ANH TUẤN

Chủ tịch HĐQT

☑ Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA), Đại học Griggs, Hoa Kỳ

☑ Quá trình công tác: Ông Trần Anh Tuấn được Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 15 bầu vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2007-2011) và đảm nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT từ năm 2007. Từ tháng 10/2008, ông được bổ nhiệm kiêm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Maritime Bank và đảm nhiệm vị trí đó cho đến khi trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016) tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20. Hiện nay, ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Ủy ban Xử lý rủi ro và Chủ tịch Ủy ban Tín dụng & Đầu tư của Maritime Bank. Vừa qua, ông được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2008 đến năm 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



ÔNG FRANCIS ANDREW ROZARIO

Phó Chủ tịch Thứ nhất HĐQT

☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Thương mại, Đại học Havard, Hoa Kỳ

☑ Quá trình công tác: Ông Francis Andrew Rozario từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo cấp cao tại các ngân hàng, công ty tài chính nổi tiếng như: Citi Group, Temasek Holdings, Fullerton Financial Holdings và nhiều ngân hàng, công ty tài chính khác tại châu Phi, châu Mỹ và châu Á. Hiện ông đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch kiêm Giám đốc Điều hành của Công ty Asia Capital & Advisors Pte. Ltd, có trụ sở tại Singapore, chuyên về lĩnh vực tư vấn. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20 ngày 27/02/2012, ông đã trúng cử thành viên độc lập Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016) và được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Thứ nhất Hội đồng Quản trị. Hiện nay, ông còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Chiến lược của Maritime Bank.



ÔNG ĐÀO TRỌNG KHANH

Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT

☑ Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính, Đại học Quốc gia Singapore

☑ Quá trình công tác: Ông Đào Trọng Khanh từng làm việc tại nhiều ngân hàng uy tín trên thế giới như Citi Group, Caylon Bank, Mizuho Bank. Ông cũng đã đảm nhiệm các vị trí Tổng Giám đốc, Ủy viên Hội đồng Quản trị của TPBank, Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20 ngày 27/02/2012, ông trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016) và được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị. Hiện nay, ông còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro của Maritime Bank.



ÔNG VŨ ĐỨC NHUẬN

Thành viên HĐQT

☑ Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Đại học Quốc gia Hà Nội

☑ Quá trình công tác: Ông Vũ Đức Nhuận đã từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao tại VIB, Bảo Việt Bank và Maritime Bank. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, ông đã trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016). Hiện nay, ông còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán của Maritime Bank.



BÀ VŨ THỊ LIÊN

Thành viên HĐQT

☑ Trình độ học vấn: Tiến sỹ Tài chính - Ngân hàng, Trường Kinh tế - Tài chính LeninGrad, Liên Xô (cũ)

☑ Quá trình công tác: Trước khi công tác tại Maritime Bank, bà Vũ Thị Liên giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Sau khi nghỉ hưu theo chế độ, bà đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Tư thục Đại Nam. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 19 năm 2011, bà được bầu vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2007-2011) và đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT độc lập. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 20, bà đã trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2012-2016). Hiện nay, bà còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Nhân sự của Maritime Bank.

BAN KIỂM SOÁT



BÀ PHẠM THỊ THÀNH

Trưởng Ban Kiểm soát

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

☑ Quá trình công tác: Trước khi công tác tại Maritime Bank, bà Phạm Thị Thành từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng Kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Từ tháng 04/2009 đến 08/2009, bà được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát và đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 9/2009 cho đến hết nhiệm kỳ IV. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, bà đã trúng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2012-2016) và được bầu vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát.

BÀ CHU THỊ ĐÀM

Thành viên Ban Kiểm soát

☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

☑ Quá trình công tác: Bà Chu Thị Đàm công tác tại Maritime Bank từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ, Chủ nhiệm Kiểm toán tín dụng, Kiểm toán nội bộ Maritime Bank. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, bà đã trúng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2012-2016).

BÀ LÊ THANH HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Grigg, Hoa Kỳ

☑ Quá trình công tác: Bà Lê Thanh Hà công tác tại Maritime Bank từ năm 1991 và từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận Kế toán, Dịch vụ Khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và Kinh doanh ngoại tệ. Từ ngày 01/10/2010, bà Lê Thanh Hà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Khối Thị trường Tài chính, Ngân hàng Định chế Tài chính Maritime Bank. Tại Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank lần thứ 20, bà đã trúng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2012-2016).

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



ÔNG ATUL MALIK

Tổng Giám đốc

✓ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Rice, Hoa Kỳ

✓ Quá trình công tác: Trước khi làm việc tại Maritime Bank, ông Atul Malik từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng Deutsche Bank, một trong số ngân hàng toàn cầu có quy mô lớn trên thế giới như: Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ và Doanh nghiệp, Deutsche Bank khu vực châu Á; Thành viên Hội đồng Điều hành khu vực châu Á, Thành viên Ngân hàng Bán lẻ và Doanh nghiệp toàn cầu, thành viên Hội đồng Quản trị Deutsche Bank Trung Quốc. Sau đó, ông tham gia điều hành tại Citi Group với nhiều chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng bán lẻ, Citi Bank Hongkong; Thành viên Hội đồng Điều hành Citi Bank khu vực châu Á, Thành viên Hội đồng Điều hành toàn cầu, Ngân hàng bán lẻ Citi Bank... Ngày 19/03/2012, ông Atul Malik được bổ nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Maritime Bank và từ ngày 24/05/2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Maritime Bank kiêm Chủ tịch Hội đồng Điều hành.



ÔNG NGUYỄN PHI HÙNG

Giám đốc Khối Công nghệ & Vận hành

Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank

✓ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Viện Công nghệ Châu Á - AIT

✓ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Phi Hùng đã có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng. Trước khi gia nhập Maritime Bank, ông đã có 05 năm giữ cương vị Giám đốc Khối Vận hành tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, hơn 01 năm kinh nghiệm ở vị trí tương tự tại Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu, 08 năm công tác tại Ngân hàng Citi Bank, CN Hà Nội với các vị trí quan trọng như: Giám đốc Phát triển khách hàng SME, Giám đốc Dự án, Trưởng Phòng Giao dịch ngân quỹ, Trưởng Phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng Phòng Thanh toán... Kể từ ngày 03/10/2013, ông gia nhập Maritime Bank và được bổ nhiệm cương vị Giám đốc Khối Công nghệ & Vận hành là thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG PHÙNG DUY KHƯƠNG

Tổng Giám đốc Ngân hàng Cá nhân

- ☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Kế toán, Đại học Monash, Australia
- ☑ Quá trình công tác: Trước khi làm việc tại Maritime Bank, ông Phùng Duy Khương từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao như: Phó Chủ tịch phụ trách tài chính GE Money South East Asia kiêm Giám đốc Phát triển Kinh doanh GE Money Vietnam; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ngân hàng Cá nhân, Ngân hàng Đông Á. Tháng 8/2010, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Cá nhân. Tháng 6/2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Cá nhân, là thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG NGUYỄN HOÀNG AN

Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn

- ☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế, Trường Cao cấp nghiệp vụ ngân hàng
- ☑ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Hoàng An làm việc tại Maritime Bank từ năm 1992 và từng giữ các chức vụ như: Trưởng Phòng Tín dụng Maritime Bank Quảng Ninh, Phó phòng Xử lý rủi ro Maritime Bank, Trưởng Phòng Tín dụng Maritime Bank Hà Nội, Giám đốc Maritime Bank Thanh Xuân, Giám đốc Maritime Bank Hà Nội... Từ tháng 10/2010, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế Tài chính kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn. Tháng 02/2011, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn. Đến tháng 06/2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn, là thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



BÀ NGUYỄN HƯƠNG LOAN

Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính

- ☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Sorbonne Paris 1
- ☑ Quá trình công tác: Bà Nguyễn Hương Loan từng giữ các chức vụ lãnh đạo như: Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn Techcombank, Giám đốc Khối Nguồn vốn Ban Trù bị Vietstarbank, Giám đốc Khối Nguồn vốn PGBank. Tháng 5/2009, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank phụ trách Khối Nguồn vốn. Từ tháng 10/2010, bà đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế Tài chính kiêm Giám đốc Khối Thị trường Tài chính. Đến tháng 06/2012, bà là Thành viên Hội đồng Điều hành, Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính Maritime Bank.



ÔNG LÊ QUANG VU

Tổng Giám đốc Ngân hàng Đại chúng

- ☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Trường Quản trị kinh doanh Maastricht
- ☑ Quá trình công tác: Trước khi làm việc tại Maritime Bank, ông Vu từng giữ các chức vụ: Giám đốc Khối Ngân hàng Phát triển Mekong, Giám đốc Sale & Marketing SGVF và hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý cấp cao tại ngành hàng tiêu dùng & bán lẻ như Viễn thông A, Metro Cash & Carry, Castrol, Unza và Unilever. Ngày 21/10/2012, ông được bổ nhiệm chức vụ Trưởng ban Trù bị thành lập Ngân hàng Thị trường Đại chúng Maritime Bank và từ ngày 05/03/2013, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Đại chúng Maritime Bank, là thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG TRẦN XUÂN QUẢNG

Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp

☑ Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Nam California, Hoa Kỳ

☑ Quá trình công tác: Ông Trần Xuân Quảng đã từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao tại Bảo Việt Bank và Maritime Bank như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nguồn vốn & Khách hàng Cá nhân, Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp Maritime Bank, Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ Bảo Việt Bank... Từ tháng 01/2011, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank kiêm Giám đốc Khối Quản lý Chiến lược, Phó Giám đốc Dự án Triển khai chiến lược. Kể từ ngày 16/03/2012, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực Maritime Bank kiêm Giám đốc Ban Quản lý Chiến lược, đồng thời là thành viên Hội đồng Điều hành. Hiện tại, ông đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp và là thành viên Hội đồng Điều hành.



ÔNG NILESH BANGLOREWALA

Giám đốc Khối Quản lý Tài chính

☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Thương mại và Kế toán công chứng, Học viện Kế toán Ấn Độ

☑ Quá trình công tác: Ông Nilesh Banglorewala có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng lớn trên thế giới như HSBC, Standard Chartered Bank, Scotia Capital với nhiều vị trí như Giám đốc Vùng Quản lý Tài chính vùng, Giám đốc Tài chính tại một số quốc gia trong khu vực châu Á và Trung Cận Đông. Tháng 07/2011, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Maritime Bank, là thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG BÙI QUYẾT THẮNG

Giám đốc Khối Tác nghiệp Tín dụng

☑ Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Hàng Hải

☑ Quá trình công tác: Ông Bùi Quyết Thắng gia nhập Maritime Bank từ năm 1991. Ông từng đảm trách những chức vụ quan trọng như: Giám đốc Sở Giao dịch Maritime Bank, Giám đốc Maritime Bank Long Biên, Giám đốc Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Trưởng Phòng Xử lý rủi ro, Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ... Từ tháng 11/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Tác nghiệp Tín dụng Maritime Bank, là thành viên Hội đồng Điều hành Maritime Bank.



ÔNG TẠ NGỌC ĐA

Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro

☑ Trình độ học vấn: : Cử nhân Tài chính Tín dụng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

☑ Quá trình công tác: Ông Tạ Ngọc Đa công tác tại Maritime Bank từ đầu năm 2010 và từng giữ các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng Maritime Bank, Giám đốc Trung tâm Xử lý Tín dụng tập trung TP. Hồ Chí Minh. Từ tháng 06/2012, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng kiêm phụ trách Ban Quản lý Tín dụng 2. Tháng 11/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro Maritime Bank. Đến tháng 5/2014, ông là Thành viên Hội đồng điều hành, Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro.

CỔ ĐÔNG

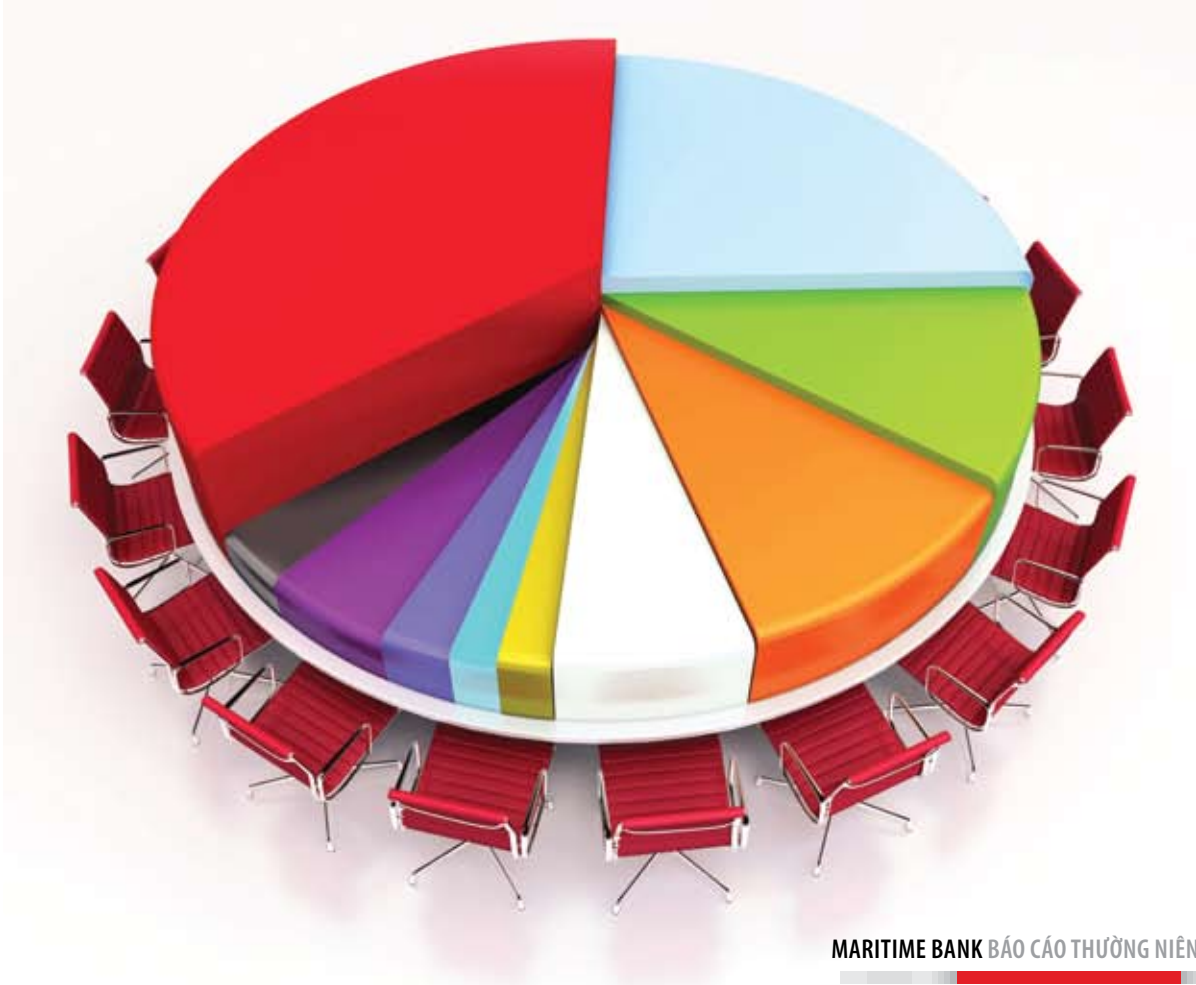


Cơ cấu cổ đông

Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Cổ đông cá nhân	3.826	25,492%
Cổ đông tổ chức	62	74,508%
Cổ đông nước ngoài	0	0
Cộng	3.888	100,000%

Cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ TT	Số Đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	57 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	0100684378	8,947%
Cộng			8,947%



ĐƯỜNG LỐI QUẢN TRỊ NHÂN LỰC



Thông tin cơ bản về nhân sự

Thông tin cơ bản	Số liệu chi tiết
Tổng số CBNV	2.928 người
Trình độ từ Đại học trở lên	91,02%
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	8,98%
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng)	11,4

Công tác tuyển dụng

Nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công tác tuyển dụng tiếp tục được đổi mới về cách thức tổ chức thi tuyển từ khâu ra đề thi, chấm thi và phỏng vấn ứng viên. Với cách thức tổ chức chuyên nghiệp, công khai và minh bạch, Maritime Bank đã lựa chọn được 830 ứng viên tài năng trong tổng số hơn 8.000 hồ sơ ứng viên trên toàn quốc trong năm 2013, đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhân lực cho sự phát triển bền vững của Ngân hàng.



Công tác quản trị nhân sự

Quản trị nhân sự năm 2013 tiếp tục là điểm sáng đóng góp vào thành công trong công tác quản lý, điều hành tại Maritime Bank. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc triển khai các dự án chuyển đổi mô hình tổ chức và bố trí, sắp xếp lại nhân sự. Công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ thường xuyên được chú trọng nhằm tạo nguồn lãnh đạo tiềm năng, giúp nâng cao năng lực quản lý, điều hành của toàn hệ thống. Kết quả, đã có 474 lượt cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao, giúp bổ sung nguồn cán bộ tài năng vào đội ngũ các nhà lãnh đạo, quản lý để dẫn dắt Maritime Bank phát triển lên một tầm cao mới. Công tác bố trí, sắp xếp lại nhân sự cũng được triển khai mạnh mẽ và quyết liệt nhằm tinh giản bộ máy và tập trung nguồn lực để phát triển các lĩnh vực cốt lõi của Ngân hàng. Theo đó, đã có hàng ngàn lượt CBNV được sắp xếp lại cho phù hợp với mô hình tổ chức mới, giúp phát huy hiệu quả tối đa về năng lực, sở trường của từng người và tăng năng suất lao động. Cơ chế KPIs tiếp tục được sử dụng như một công cụ quản trị đắc lực trong việc đo lường hiệu quả công việc của từng CBNV. Năm 2013, Maritime Bank đã triển khai áp dụng KPIs sâu rộng và cơ chế đánh giá thực hiện công việc trên toàn hệ thống, giúp đo lường chính xác kết quả thực hiện công việc và phát huy sự nỗ lực, tài năng của người lao động.

Công tác giám sát tuân thủ cũng được tăng cường quản lý nhằm ngăn ngừa rủi ro hoạt động. Theo đó, tất cả các sự vụ vi phạm kỷ luật đều được kiểm soát chặt chẽ, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo đúng quy định của Pháp luật. Các giải pháp chiến lược trên đã đem lại những thành quả to lớn, giúp cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự của Maritime Bank được tinh gọn đồng thời tiết giảm được 26,2% chi phí quản lý nhân sự so với cùng kỳ năm 2012 và làm tăng năng suất lao động.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Với sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu tổ chức bộ máy của Maritime Bank trong năm 2013, công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực được chú trọng theo hướng đáp ứng yêu cầu kinh doanh của các đơn vị. Trọng tâm là các khóa đào tạo định hướng nhân viên, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và đào tạo kỹ năng mềm. Bên cạnh đó, việc đổi mới phương pháp giảng dạy được quan tâm đặc biệt, trong đó nhấn mạnh vào các chương trình đào tạo trực tuyến/test online. Việc tổ chức thành công các chương trình này đã tiết kiệm được thời gian, chi phí đào tạo, đồng thời giúp CBNV có thể tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kết thúc năm 2013, Maritime Bank đã triển khai đào tạo tập trung cho 4.391 lượt người, đào tạo trực tuyến cho 2.819 lượt người, giúp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu của các dự án chuyển đổi mô hình hoạt động.

Chế độ chính sách và phúc lợi

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành tài chính - ngân hàng nói riêng. Tuy nhiên, với sự quan tâm sâu sắc và cam kết cao nhất từ các cấp lãnh đạo Ngân hàng, CBNV của Maritime Bank tiếp tục được bảo đảm mức thu nhập cạnh tranh, tương xứng với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Ngoài ra, Ngân hàng cũng triển khai chương trình Key person nhằm tạo động lực, lộ trình thăng tiến cho các cá nhân tài năng với những ưu đãi đặc quyền và tiếp tục duy trì chế độ chăm sóc sức khỏe toàn diện MSB Care cho tất cả CBNV. Đặt trong bối cảnh nhiều Ngân hàng phải giảm lương hoặc cắt giảm nhân sự thì chế độ chính sách và phúc lợi của Maritime Bank xứng đáng là điểm sáng đáng tự hào.

Điều này đã góp phần quan trọng trong việc tạo động lực lao động cho đội ngũ CBNV, giúp phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, gắn bó lâu dài và đồng tâm hiệp lực để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững của Maritime Bank.

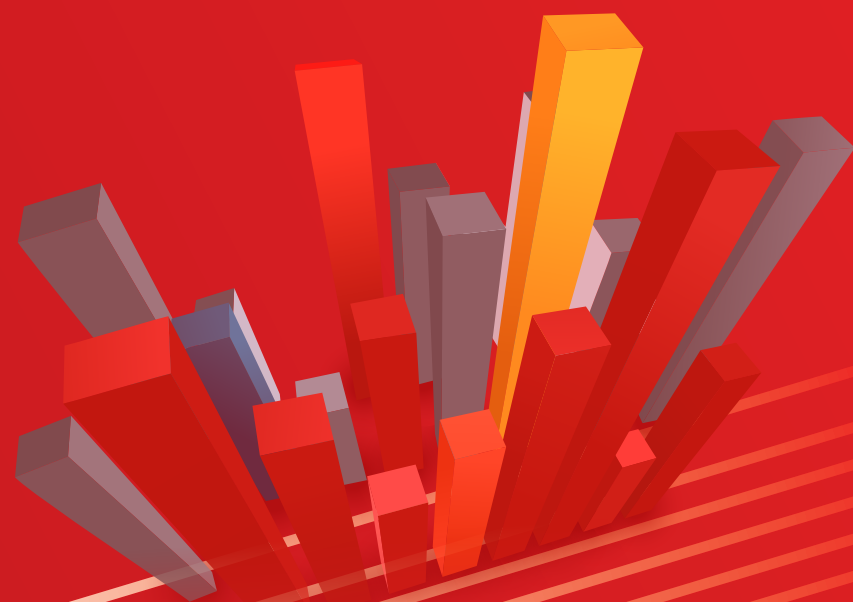
Thành tích và giải thưởng

STT	Tên giải thưởng	Tổ chức trao tặng
1	Chủ tịch Maritime Bank được trao tặng Huân chương lao động Hạng ba vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2008 đến năm 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc	Chủ tịch nước trao tặng
2	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2012 (FAST500)	Vietnam Report và báo Vietnamnet trao tặng
3	Giải thưởng Elite Quality Recognition Awards năm 2012	Ngân hàng JP Morgan Chase trao tặng
4	Giải thưởng “Dịch vụ ngân hàng đa kênh tốt nhất”	Tạp chí Asian Banker trao tặng
5	Giải thưởng “Giải pháp quản trị Kinh doanh tiền tệ tốt nhất”	Tạp chí Asian Banker trao tặng
6	“Thương hiệu nổi tiếng ASEAN” năm 2013	Hiệp hội Phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào – Campuchia trao tặng
7	Top 50 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2013	Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng
8	Danh hiệu sản phẩm – dịch vụ uy tín chất lượng năm 2013	Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam tổ chức
9	Giải thưởng Tài chính & Ngân hàng châu Á năm 2013: Danh hiệu "Thẻ tín dụng sáng tạo của năm"	Tạp chí Asian Banking and Finance trao tặng
10	Doanh nghiệp dịch vụ được hài lòng nhất năm 2013	Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao (DN. HVNCLC) phối hợp cùng Báo Sài Gòn Tiếp Thị và Trung tâm BSA tổ chức
11	Giải thưởng “Ngân hàng xuất sắc nhất về Cộng hưởng tiếp thị” và “Ngân hàng tiên phong về phát triển kênh dịch vụ mới” nhờ những thành tích xuất sắc trong chiến lược tiếp thị và phát triển kênh phân phối dịch vụ Western Union	Western Union trao tặng
12	Giải thưởng “Nhà tạo lập thị trường VBMA giao dịch nhiều nhất năm 2013”	VBMA trao tặng
13	Giải thưởng “Nhà tạo lập thị trường VBMA chào giá tốt thứ hai năm 2013”	VBMA trao tặng
14	Đứng thứ nhất trong “Top 10 thành viên giao dịch Trái phiếu Chính phủ”	Sở GDCK Hà Nội trao tặng
15	Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2013	Vietnam Report và báo Vietnamnet trao tặng
16	Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2013	Vietnam Report và báo Vietnamnet trao tặng
17	Cờ thi đua Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2012	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
18	Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2011 - 2012	Thống đốc NHNN





NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý



Tháng 1/2013

Nhận danh hiệu "Trái tim nhân ái tỏa sáng 2012" do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phối hợp với Truyền hình nhân đạo Việt Nam trao tặng

Tháng 2/2013

Tổ chức chương trình thể dục đồng diễn - chủ đề "Vui khỏe mỗi ngày" - thông qua hoạt động tập luyện yoga cười với sự tham gia 300 cán bộ nhân viên và rất nhiều khách hàng tiềm năng tại công viên Lê Thị Riêng, TP. HCM.

Tháng 3/2013

- Tổ chức Hội nghị Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2012 và đề ra phương hướng hoạt động cho năm 2013.
- Tài trợ lễ trao giải cuộc thi viết "Tết đẹp trong tôi là..." nằm trong khuôn khổ chương trình Sống đẹp, phát sóng vào 20h00 hàng ngày trên kênh VTV1 và 17h50 trên VTV3 – Đài Truyền hình Việt Nam.
- Khai trương Phòng Giao dịch Lãnh Binh Thăng, TP. Hồ Chí Minh.
- Chính thức ra mắt sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế Maritime Bank First Class Platinum.

Tháng 4/2013

- Kí kết thoả thuận hợp tác đầu tư cơ sở hạ tầng y tế giáo dục tại tỉnh Cao Bằng trị giá 500 tỷ VNĐ giai đoạn 2014 – 2016.
- Triển khai gói sản phẩm 3M (M-Flex, M-Float và M-Reset) với hạn mức tín dụng lên tới 3.000 tỷ đồng và lãi suất ưu đãi mang giá trị vượt trội để hỗ trợ khởi doanh nghiệp.
- Ký kết hợp tác với Tổng công ty CP Bảo hiểm Bưu điện (PTI), phân phối sản phẩm bảo hiểm nhà M-HomeCare.
- Tổ chức phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần thứ 21.
- Tổ chức thành công Giải tennis Maritime Bank lần thứ 3 tại TP. Đà Nẵng

Tháng 5/2013

Ra quân "Quảng bá kiểu hối tại TP. HCM, Huế, Đà Nẵng"

Tháng 6/2013

Triển khai chương trình Smiling Tomorrow, trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó tại Hải Dương, Quảng Bình, Đà Nẵng, Cần Thơ và Lâm Đồng.

Tháng 7/2013

- Tham gia phong trào "Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới" tại tỉnh Thái Bình.
- Tổ chức Cúp Bóng đá mini Maritime Bank lần thứ 2 nhân dịp kỷ niệm 22 năm thành lập.

Tháng 8/2013

- Tổ chức hội nghị bán hàng Ngân hàng Cá nhân "The best of the best".
- Đồng hành cùng giải Golf & Life Blue Tournaments với tư cách Nhà tài trợ Đặc biệt.

Tháng 9/2013

- Phối hợp với Tổng công ty CP Bảo hiểm Bưu điện (PTI) triển khai sản phẩm bảo hiểm ô tô M –Auto.
- Đồng loạt tổ chức "Đêm hội Trăng Rằm" cho con em khách hàng tại nhiều PGD, Chi nhánh trên toàn quốc.
- Trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó tại Phú Thọ, Hải Phòng, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Vũng Tàu, Kiên Giang, Tiền Giang.
- Triển khai gói sản phẩm "Măng non" dành cho trẻ em từ 1-14 tuổi với sự kết hợp giữa tiền gửi tiết kiệm và bảo hiểm sức khỏe dành cho trẻ em.

Tháng 10/2013

- Chính thức đưa vào hoạt động China Town - phòng giao dịch đầu tiên theo mô hình kinh doanh phục vụ cho đối tượng khách hàng thuộc cộng đồng người Hoa tại TP. HCM.
- Đóng góp 2 tỷ đồng vào Quỹ "Khuyến học, khuyến tài Đất Tổ".
- Tham gia tài trợ, thi đấu tại Cúp quần vợt ngành Ngân hàng Hà Nội lần thứ VIII và đạt được kết quả khả quan với 1 giải Ba dành cho đôi nam dưới 45 tuổi.
- Chính thức khai trương mô hình kinh doanh mới: Trung tâm Tài chính Kinh doanh được thiết kế riêng cho đối tượng khách hàng là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ.
- Triển khai chương trình tra cứu chứng thư bảo lãnh do Maritime Bank phát hành tại địa chỉ website của Ngân hàng.

Tháng 11/2013

Thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược trong 10 năm nhằm tăng cường kinh doanh bảo hiểm qua ngân hàng (bancassurance) với Prudential Việt Nam.

Tháng 12/2013

Thăm hỏi, trao quà cứu trợ cho 700 em học sinh và gần 200 hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại hai tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình do ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ với tổng số tiền cứu trợ khoảng 650 triệu đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “MSB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với báo cáo tài chính hợp nhất
Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch, thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro

này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng, các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác
Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam và công ty con kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2013.



Trần Đình Vĩnh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Minh Hiếu
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 1572-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	4	1.025.874	987.535
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	551.929	4.499.702
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	24.693.179	28.985.403
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		5.297.345	17.955.227
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		19.581.061	11.084.589
3	Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác		(185.227)	(54.413)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	129.348	57.270
1	Chứng khoán kinh doanh		191.543	93.201
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(62.195)	(35.931)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	48.112	58.325
VI	Cho vay khách hàng		26.676.110	28.193.028
1	Cho vay khách hàng	9	27.409.337	28.943.630
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(733.227)	(750.602)
VII	Chứng khoán đầu tư	11	33.375.435	30.237.353
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		32.940.694	30.388.907
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		506.208	-
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(71.467)	(151.554)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	2.170.808	2.103.488
4	Đầu tư dài hạn khác		2.172.876	2.109.273
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.068)	(5.785)
IX	Tài sản cố định		847.478	900.846
1	Tài sản cố định hữu hình	13	285.971	355.951
a	Nguyên giá		491.238	527.937
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(205.267)	(171.986)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	14	289.806	296.438
a	Nguyên giá		312.780	312.780
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.974)	(16.342)
3	Tài sản cố định vô hình	15	271.701	248.457
a	Nguyên giá		350.144	308.511
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(78.443)	(60.054)
X	Bất động sản đầu tư	16	1.003.687	1.023.789
a	Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.062.948	1.061.315
b	Hao mòn bất động sản đầu tư		(59.261)	(37.526)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)					tại ngày 31 tháng 12 năm 2013		
		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND			
XI	Tài sản Có khác	17	16.592.922	12.876.637			
1	Các khoản phải thu		12.038.513	9.037.158			
2	Các khoản lãi, phí phải thu		4.271.776	3.670.346			
3	Tài sản Có khác		635.523	311.002			
4	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(352.890)	(141.869)			
	TỔNG TÀI SẢN		107.114.882	107.114.882			
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU						
	NỢ PHẢI TRẢ						
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	644.189	5.329.623			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	24.397.983	30.234.984			
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		8.483.834	17.615.920			
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		15.914.149	12.619.064			
III	Tiền gửi của khách hàng	20	65.491.701	59.586.516			
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	141.402	145.363			
V	Phát hành giấy tờ có giá	22	2.795.002	2.295.002			
VI	Các khoản nợ khác	23	4.232.059	3.241.857			
1	Các khoản lãi, phí phải trả		1.614.709	1.438.049			
2	Thuế phải trả		51.073	-			
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		2.550.559	1.778.470			
4	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		15.718	25.338			
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		97.702.336	100.833.345			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)			tại ngày 31 tháng 12 năm 2013		
			Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU					
VII	Vốn và các quỹ	24	9.412.546	9.090.031	
1	Vốn cổ phần		8.352.676	8.352.692	
a	Vốn điều lệ		8.000.000	8.000.000	
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		607	607	
c	Thặng dư vốn cổ phần		400.000	400.000	
d	Cổ phiếu quỹ		(47.931)	(47.915)	
2	Các quỹ		511.173	467.511	
3	Lợi nhuận chưa phân phối		548.697	269.828	
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			9.412.546	9.090.031	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			107.114.882	109.923.376	

			31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
VIII	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN		2.220.598	2.433.825
1	Bảo lãnh vay vốn		-	10.000
2	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		780.217	624.399
3	Bảo lãnh khác		1.440.381	1.799.426

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT					cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013				
		Thuyết minh	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND					
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	8.789.131	11.927.357					
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(7.174.741)	(9.917.431)					
I	Thu nhập lãi thuần	25	1.614.390	2.009.926					
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	164.030	171.870					
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(135.706)	(132.209)					
II	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	26	28.324	39.661					
III	Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	27	86.487	87.982					
IV	(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	(81.995)	1.351					
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	677.237	98.515					
5	Thu nhập từ hoạt động khác		238.350	530.222					
6	Chi phí hoạt động khác		(276.781)	(285.535)					
VI	(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	30	(38.431)	244.687					
VII	Thu nhập thuần từ góp vốn, mua cổ phần	31	130.434	137.392					
VIII	Chi phí hoạt động	32	(1.689.410)	(1.855.326)					
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		727.036	764.188					
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(325.800)	(508.796)					
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		401.236	255.392					
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(71.364)	(28.978)					
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(71.364)	(28.978)					
XIII	Lợi nhuận sau thuế		329.872	226.414					
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	415	284					

Người lập:



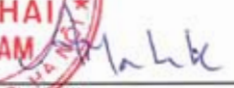
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT		cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	
		2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	8.187.701	11.327.808
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(6.998.081)	(9.775.522)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	28.324	39.660
04	Số tiền thực chi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	627.333	301.209
05	Chi phí khác	(649.045)	(272.557)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro	19.353	3.780
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(934.485)	(1.211.763)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(2.211)	(295.606)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	278.889	117.009
Thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(3.513.647)	(6.369.710)
10	Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	(4.320.439)	4.362.191
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10.213	15.778
12	Cho vay và ứng trước cho khách hàng	1.534.294	8.809.309
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(221.981)	(80.221)
14	Tài sản hoạt động khác	(3.094.054)	(3.979.838)
	Thay đổi về công nợ hoạt động	(3.379.479)	(3.931.870)
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(4.685.434)	(4.786.598)
16	Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(5.837.001)	7.404.477
17	Tiền gửi của khách hàng	5.905.185	(2.708.008)
18	Giấy tờ có giá	500.000	(4.883.498)
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(3.961)	(248.685)
21	Các công nợ hoạt động khác	749.053	1.322.909
22	Chi từ các quỹ	(7.319)	(32.467)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(12.706.207)	(1.057.352)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(118.571)	(287.048)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	16.170	1.213
03 Mua sắm bất động sản đầu tư	(1.633)	(5.135)
04 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(211.852)	(348.715)
05 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	125.323	137.392
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(190.563)	(502.293)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01 Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(73)	(555.906)
02 Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	-	(47.915)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(73)	(603.821)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(12.896.843)	(2.163.466)
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	19.771.991	21.935.457
VI TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh 36)	6.875.148	19.771.991

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc





THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0001/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 08 tháng 06 năm 1991 với thời gian hoạt động là 25 năm. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được tăng lên 99 năm theo Quyết định số 719/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn cổ phần của Ngân hàng là 8.000 tỷ đồng Việt Nam. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 88 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có 220 điểm giao dịch trong đó có một (1) Sở Giao dịch, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm bốn mươi lăm (145) phòng giao dịch và ba mươi mốt (31) quỹ tiết kiệm và một (1) công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên công ty con	Quyết định thành lập	Lĩnh vực hoạt động	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	QĐ 1066/2008/QĐ – HĐQT ngày 28 tháng 11 năm 2008	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Ngân hàng và công ty con (sau đây gọi chung là “MSB”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, MSB có 2.910 nhân viên.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MSB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”).

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MSB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là những công ty mà MSB có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất từ ngày MSB có được quyền kiểm soát công ty này. Báo cáo của công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày MSB không còn kiểm soát công ty này.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kì hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và chứng khoán đầu tư với kỳ hạn tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn, được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

(ii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(e) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. MSB ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc.

(ii) Đo lường

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(f) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà MSB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư (Thuyết minh 3(g)).

(g) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn

Theo Công văn số 7459/NHNN-KTTC do NHNN ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2006, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư cần phải trích lập nếu giá trị thị trường của chứng khoán thấp hơn giá trị ghi sổ hoặc giá chứng khoán đầu tư có dấu hiệu sụt giảm một cách lâu dài.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vốn dài hạn khác vào các tổ chức kinh tế sẽ được trích lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các tổ chức này trước khi đầu tư).

Dự phòng giảm giá chứng khoán nợ đã quá hạn được xác định theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính dựa trên số ngày quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

(h) Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005 (“Quyết định 493”), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 25 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định 18”), dự phòng rủi ro tín dụng cần được lập cho các khoản cho vay trên cơ sở hàng quý. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Quyết định 493 và Quyết định số 18 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2013 sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định 493 và Quyết định 18.

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngân hàng áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành (“Quyết định 780”) về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, theo đó các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu khách hàng được đánh giá là hoạt động sản xuất kinh doanh có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt.

Riêng đối với các khoản cho vay một số công ty thành viên trực thuộc các tổng công ty và tập đoàn kinh tế Nhà nước đang gặp khó khăn về tài chính, dự phòng được trích lập theo năng lực tài chính của Ngân hàng theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc xem xét khoanh và cơ cấu lại các khoản nợ của các công ty này. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của Ngân hàng.

Ngân hàng cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11.

Theo Quyết định số 493, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(i) **Cho vay tổ chức tín dụng khác**

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 kể từ ngày có hiệu lực, ngày 1 tháng 9 năm 2012 (“Thông tư số 21”) về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 7 tháng 1 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 21. Theo đó, MSB phân loại các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác, trích lập dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác như theo quy định tại Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

(j) **Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng**

Theo Quyết định 18, MSB phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán, các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các số dư trên giống với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng.

Theo Quyết định 493, MSB cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

(k) **Các công cụ tài chính phái sinh**

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận vào các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày hiệu lực của các hợp đồng và được đánh giá lại cuối năm. Lãi hoặc lỗ thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính phái sinh được phân loại là tài sản tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là dương và nợ phải trả tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là âm.

(l) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trong năm, MSB đã phân loại một số tài sản cố định với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

• Nhà cửa, vật kiết trúc	10 – 50 năm
• Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
• Phương tiện vận tải	8 – 10 năm
• Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
• Các tài sản cố định hữu hình khác	5 năm

(m) **Tài sản cố định thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, MSB đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong thuyết minh 3(l).

(n) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

(ii) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn đủ điều kiện theo Thông tư 45 được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn đủ điều kiện theo Thông tư 45 được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất.

(iii) **Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(o) **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là các bất động sản mà MSB đầu tư với mục đích cho thuê hoặc thu lợi từ việc tăng giá tài sản. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất có thời hạn là 10 – 50 năm. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(p) **Dự phòng khác**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, MSB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) **Các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(r) **Vốn cổ phần**

(s) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(t) **Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(u) **Cổ phiếu quỹ**

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ đã mua, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

(v) **Các quỹ**

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012, trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau tại thời điểm cuối năm tài chính.

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Công ty con: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (“Công ty”)

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty phải trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

(w) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 3(h) được ghi nhận khi MSB thực thu được.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MSB được thiết lập.

Theo Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thường và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(x) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dự chi.

(y) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(z) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(aa) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của MSB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(ab) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MSB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của MSB là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý và theo hoạt động kinh doanh.

(ac) Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát MSB; hoặc chịu sự kiểm soát của MSB; hoặc cùng chung sự kiểm soát với MSB. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của MSB mà có ảnh hưởng đáng kể đối với MSB, những người quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của MSB, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ sẽ được xem xét chứ không chỉ ở hình thức pháp lý.

(ad) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của MSB, tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, MSB phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

▪ Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

▪ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MSB xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà MSB có ý định, có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

▪ Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được MSB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

▪ Các tài sản tài chính đã được MSB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

▪ Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

▪ Các khoản mà MSB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được MSB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

▪ Các khoản được MSB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

▪ Các khoản mà MSB có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

▪ Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;

▪ Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

▪ Nợ phải trả tài chính được MSB phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

- Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

▪ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MSB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày, thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp

xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, MSB xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn, phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

(bb) Các khoản mục ngoại bảng

(i) Các hợp đồng ngoại hối

MSB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hay các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MSB.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm cuối năm. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi được đánh giá lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

MSB có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay đối với các khoản nợ được gia hạn. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. MSB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh các cam kết chắc chắn về các luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

4. Tiền mặt và vàng

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	759.736	658.181
Tiền mặt bằng ngoại tệ	265.923	325.276
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	26	25
Vàng tiền tệ	189	4.053
	1.025.874	987.535

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	551.929	4.499.702

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	268.825	4.270.483
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	2.174.460	3.154.560

Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	633.280	6.838.269
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	2.220.780	3.691.915
	5.297.345	17.955.227

Các khoản cho vay		
Các khoản cho vay bằng VND	17.279.045	6.191.273
Các khoản cho vay bằng ngoại tệ	2.302.016	4.893.316
	19.581.061	11.084.589
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác (i)	(185.227)	(54.413)
	24.693.179	28.985.403

(i) Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Dự phòng chung	140.227	49.913
Dự phòng cụ thể	45.000	4.500
	185.227	54.413

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Chứng khoán vốn (theo tổ chức phát hành)		
▪ Do các TCTD khác phát hành	36.088	33.799
▪ Do các TCKT trong nước phát hành	155.455	59.402
	191.543	93.201
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(62.195)	(35.931)
	129.348	57.270

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Chứng khoán vốn (theo tình trạng niêm yết)		
▪ Đã niêm yết	122.034	87.350
▪ Chưa niêm yết	69.509	5.851
	191.543	93.201

8. Các công cụ tài chính phái sinh

	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	31/12/2013 Giá trị ròng Triệu VND
Công cụ phái sinh tiền tệ	17.637.439	90.973	42.861	48.112
Giao dịch kỳ hạn	1.396.660	-	42.861	(42.861)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	16.176.091	90.973		90.973

Mua Quyền chọn tiền tệ	32.344	396	-	396
• <i>Mua quyền chọn mua</i>	28.783	-	-	-
• <i>Mua quyền chọn bán</i>	3.561	-	-	-

Bán Quyền chọn tiền tệ	32.344	-	416	(416)
• <i>Bán quyền chọn mua</i>	28.783	-	-	-
• <i>Bán quyền chọn bán</i>	3.561	-	-	-

	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	31/12/2012 Giá trị ròng Triệu VND
Công cụ phái sinh tiền tệ	9.339.781	58.325	-	58.325
Giao dịch kỳ hạn	1.983.072	30.135	-	30.135
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	7.353.585	28.190	-	28.190
Bán Quyền chọn tiền tệ	3.124	23	-	23
• <i>Bán Quyền chọn bán</i>	3.124	23	-	23

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	27.190.092	28.856.054
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	21.947	34.441
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	840	2.619
Cho vay vốn đặc biệt	106.226	26.516
Cho vay khác	24.000	24.000
Nợ cho vay được khoanh và chờ xử lý	66.232	-
	27.409.337	28.943.630

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	23.520.782	85,81%	24.055.365	83,12%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	3.146.418	11,48%	4.122.622	14,24%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	229.512	0,84%	52.829	0,18%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	125.314	0,46%	163.014	0,56%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	387.311	1,41%	549.800	1,90%
	27.409.337	100%	28.943.630	100%

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Ngắn hạn	10.612.503	38,72%	10.409.771	35,97%
Trung hạn	6.145.927	22,42%	6.916.905	23,90%
Dài hạn	10.650.907	38,86%	11.616.954	40,13%
	27.409.337	100%	28.943.630	100%

Phân tích dư nợ cho vay đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cho vay các TCKT	22.517.589	82,15%	27.428.658	94,77%
Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương	1.452.724	5,30%	1.687.856	5,83%
Công ty TNHH tư nhân	6.082.068	22,19%	8.529.753	29,47%
Công ty cổ phần Nhà nước	1.724.545	6,29%	2.256.510	7,80%
Công ty cổ phần khác	13.129.272	47,90%	14.793.957	51,11%
Tổ chức kinh tế khác	77.799	0,28%	159.082	0,55%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	51.181	0,19%	1.500	0,01%
Cho vay cá nhân	4.891.748	17,85%	1.514.972	5,23%
	27.409.337	100%	28.943.630	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Khai khoáng	1.028.102	3,75%	1.102.341	3,81%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	5.529.193	20,18%	6.107.354	21,10%
Hoạt động kinh doanh bất động sản, vàng bạc, chứng khoán và ngoại tệ	7.124.678	25,99%	6.867.502	23,72%
Hoạt động tài chính ngân hàng, bảo hiểm	1.225.087	4,47%	1.069.141	3,69%
Kinh doanh thương mại	2.228.019	8,13%	4.719.303	16,31%
Vận tải kho bãi	4.033.133	14,71%	4.649.901	16,07%
Xây dựng	1.343.618	4,90%	2.118.478	7,32%
Các ngành nghề khác	4.897.507	17,87%	2.309.610	7,98%
	27.409.337	100%	28.943.630	100%

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Dự phòng chung	197.460	205.145
Dự phòng cụ thể	535.767	545.457
	733.227	750.602

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

Số dư đầu năm	205.145	235.281
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 33)	154.731	4.964
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	(162.416)	(35.100)
Số dư cuối năm	197.460	205.145

Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	545.457	129.224
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 33)	731.048	546.460
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	(518.757)	(50.006)
Sử dụng dự phòng	(221.981)	(80.221)
Số dư cuối năm	535.767	545.457

11. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán nợ		
▪ Trái phiếu Chính phủ	16.606.370	18.454.061
▪ Tín phiếu KBNN	-	300.000
▪ Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	670.000	472.704
▪ Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	15.652.324	10.782.318
Chứng khoán vốn		
▪ Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	309.625
▪ Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	12.000	70.199
	32.940.964	30.388.907
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
▪ Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	506.208	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(71.467)	(151.554)
	33.375.435	30.237.353

12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2013		31/12/2012	
	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND
Đầu tư vào các TCTD khác		2.161.876		1.944.508
Ngân hàng TMCP Quân Đội	9,95%	1.788.492	9,41%	1.571.124
Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông	10,16%	306.932	10,16%	306.932
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam	11,00%	66.000	11,00%	66.000
Hiệp Hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn thế giới SWIFT	0,0043%	452	0,0043%	452
Đầu tư dài hạn khác		11.000		164.765
		2.172.876		2.109.273
Dự phòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn		(2.068)		(5.785)
		2.170.808		2.103.488

13. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	29.545	277.963	149.262	54.783	16.384	527.937
Mua trong năm	1.871	28.506	3.189	24.732	371	58.669
Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	807	-	13.587	(14.394)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(682)	(24.591)	(1.640)	(185)	(27.098)
Giảm khác	(75)	(38.519)	-	(28.417)	(1.259)	(68.270)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	31.341	268.075	127.860	63.045	917	491.238
Hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	10.222	92.695	38.744	23.635	6.690	171.986
Khấu hao trong năm	745	45.957	14.683	17.482	2.875	81.742
Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	410	-	7.783	(8.193)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(583)	(9.277)	(1.204)	(178)	(11.242)
Giảm khác	(49)	(20.363)	-	(16.092)	(715)	(37.219)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	10.918	118.116	44.150	31.604	479	205.267
Giá trị còn lại						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	19.323	185.268	110.518	31.148	9.694	355.951
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	20.423	149.959	83.710	31.441	438	285.971

14. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc	
	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	312.780	312.780
Hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	16.342	9.697
Khấu hao trong năm	6.632	6.645
Số dư tại ngày 31 tháng 12	22.974	16.342
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	296.438	303.083
Số dư tại ngày 31 tháng 12	289.806	296.438

15. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Các tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1	197.077	109.453	1.981	308.511
Mua trong năm	9.214	50.688	-	59.902
Phân loại lại	-	1.934	(1.934)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(47)	(47)
Giảm khác	(18.156)	(66)	-	(18.222)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	188.135	162.009	-	350.144
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.474	56.333	1.247	60.054
Khấu hao trong năm	1.166	16.973	314	18.453
Phân loại lại	-	1.497	(1.497)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(47)	(47)
Giảm khác	-	-	(17)	(17)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	3.640	74.803	-	78.443
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1	194.603	53.120	734	248.457
Số dư tại ngày 31 tháng 12	184.495	87.206	-	271.701

16. Bất động sản đầu tư

Biến động của bất động sản đầu tư cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1 tháng 1	983.902	77.413	1.061.315
Tăng trong năm	1.588	45	1.633
Số dư tại ngày 31 tháng 12	985.490	77.458	1.062.948
Hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1 tháng 1	36.464	1.062	37.526
Khấu hao trong năm	21.250	485	21.735
Số dư tại ngày 31 tháng 12	57.714	1.547	59.261
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1 tháng 1	947.438	76.351	1.023.789
Số dư tại ngày 31 tháng 12	927.776	75.911	1.003.687

17. Tài sản Có khác

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Các khoản phải thu		
▪ Phải thu từ các hợp đồng mua bán nợ	5.639.835	3.242.763
▪ Phải thu từ kinh doanh chứng khoán	562.148	220.202
▪ Đặt cọc thuê nhà, địa điểm đặt ATM	31.002	28.161
▪ Phải thu Ngân sách Nhà nước	-	25.924
▪ Các khoản phải thu khác	5.805.528	5.520.108
	12.038.513	9.037.158
Các khoản lãi và phí phải thu		
	4.271.776	3.670.346
Tài sản Có khác		
▪ Chi phí chờ phân bổ và vật liệu	495.079	310.132
▪ Tài sản gán nợ	82.399	-
▪ Tài sản có khác	58.045	870
	635.523	311.002
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (i)	(352.890)	(141.869)

18. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá	595.515	4.766.808
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	48.674	54.906
Vay Ngân hàng Phát triển	-	507.909
	644.189	5.329.623

19. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	211.655	4.445.708
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.348.476	3.087.531
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	6.424.152	5.470.381
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	499.551	4.612.300
	8.483.834	17.615.920
Tiền vay		
Tiền vay bằng VND	12.847.458	9.765.972
Tiền vay bằng ngoại tệ	3.066.691	2.853.092
	15.914.149	12.619.064
	24.397.983	30.234.984

20. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	8.262.424	8.145.179
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	31.759	16.853
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.830.352	1.438.489
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	522.282	851.872
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	18.975.686	18.621.924
Tiền gửi tiết kiệm bằng VND	30.023.771	25.455.892
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	313.505	481.159
Tiền gửi tiết kiệm bằng vàng, ngoại tệ	3.321.979	4.232.236

Tiền gửi vốn chuyên dụng		
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	32.300	54.022
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng vàng, ngoại tệ	30.553	20.743
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	89.670	162.745
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	57.420	105.402
	65.491.701	59.586.516

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tổ chức kinh tế	28.222.805	26.154.239
Cá nhân	36.977.111	33.065.219
Các đối tượng khác	291.785	367.058
	65.491.701	59.586.516

21. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Ủy thác quản lý vốn từ các TCTD trong nước	137.000	137.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	729	1.107
Nguồn vốn viện trợ ODA Nhật Bản	3.673	7.256
	141.402	145.363

22. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi	2	2
Trái phiếu	2.795.000	2.295.000
	2.795.002	2.295.002

23. Các khoản nợ khác

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Lãi và phí phải trả	1.614.709	1.438.049
Các khoản phải trả và công nợ khác		
▪ Các khoản phải trả nội bộ	79.816	68.041
▪ Chuyển tiền phải trả	14.965	42.094
▪ Các khoản phải trả khác	2.455.778	1.668.335
	2.550.559	1.778.470
Thuế phải trả (Thuyết minh 38)	51.073	-
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	15.718	25.338
	4.232.059	3.241.857

Đơn vị triệu VND

24. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2012	8.000.000	607	400.000	-	3.290	340.400	39.670	27.310	688.604	9.499.881
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	226.414	226.414
Trích lập các quỹ dự trữ trong năm 2012	-	-	-	-	-	22.652	11.327	55.326	(89.305)	-
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	-	(5)	-	(32.462)	(310)	(32.777)
Tạm ứng cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(555.575)	(555.575)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(47.915)	-	-	-	-	-	(47.915)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	3	-	3
Số dư tại ngày 31/12/2012	8.000.000	607	400.000	(47.915)	3.290	363.047	50.997	50.177	269.828	9.090.031
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	329.872	329.872
Trích lập các quỹ dự trữ trong năm 2013	-	-	-	-	-	33.987	16.994	-	(50.981)	-
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	-	(58)	-	(7.261)	(38)	(7.357)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(16)	-	-	-	-	16	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	8.000.000	607	400.000	(47.931)	3.290	396.976	67.991	42.916	548.697	9.412.546

25. Thu nhập lãi thuần

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
Tiền gửi	554.077	1.905.105
Cho vay khách hàng	4.692.616	5.359.050
Các khoản kinh doanh, đầu tư chứng khoán	3.257.720	3.817.531
Lãi quá hạn thực thu	278.080	842.635
Thu khác từ hoạt động tín dụng	6.638	3.036
	8.789.131	11.927.357
Chi phí lãi và các chi phí tương tự cho		
Các khoản tiền gửi của khách hàng	(4.828.951)	(6.589.834)
Các khoản tiền vay	(729.628)	(1.052.801)
Phát hành giấy tờ có giá	(249.333)	(528.752)
Thoái lãi dự thu	(1.350.204)	(1.742.831)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(16.625)	(3.213)
	(7.174.741)	(9.917.431)
Thu nhập lãi thuần	1.614.390	2.009.926

26. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ bảo lãnh	19.760	24.171
Dịch vụ thanh toán	108.516	89.217
Dịch vụ ngân quỹ	552	1.966
Dịch vụ đại lý nhận ủy thác	13.208	41.863
Nghiệp vụ chiết khấu	-	838
Dịch vụ khác	21.994	13.815
	164.030	171.870
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	(70.181)	(54.743)
Dịch vụ khác	(65.525)	(77.466)
	(135.706)	(132.209)
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	28.324	39.661

27. Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	107.183	111.265
Thu từ kinh doanh vàng	2.021	821
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	426.095	470.249
	535.299	582.335
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(47.423)	(103.811)
Chi về kinh doanh vàng	(631)	(558)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(400.758)	(389.984)
	(448.812)	(494.353)
Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	86.487	87.982

28. (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3.803	11
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(59.534)	(1.224)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	54.304	8.726
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(80.568)	(6.162)
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(81.995)	1.351

29. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	671.420	294.001
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(74.270)	(79.561)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(25.535)	(124.073)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	105.622	8.148
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	677.237	98.515

30. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	936	8.235
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	191.343	306.327

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	16.170	1.299
Thu nhập khác	29.901	214.361
	238.350	530.222
Chi phí từ hoạt động khác		
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(213)	(9.268)
Chi về cho thuê và quản lý văn phòng	(11.875)	(28.576)
Chi từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	(16.053)	(5.673)
Chi phí khác	(248.640)	(242.018)
	(276.781)	(285.535)
(Lỗ)/thu nhập thuần từ hoạt động khác	(38.431)	244.687

31. Thu nhập thuần từ góp vốn, mua cổ phần

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, đầu tư mua cổ phần, tài sản Có khác	127.290	142.805
Các khoản (chi phí)/thu nhập khác từ góp vốn mua cổ phần	(573)	372
Dự phòng trích lập trong năm	(691)	(5.785)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	4.408	-
Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	130.434	137.392

32. Chi phí hoạt động

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	55.988	65.560
Chi cho nhân viên	589.738	814.362
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp lương	541.029	743.701
Các khoản chi đóng góp theo lương	26.604	36.119
Chi ăn ca	21.230	27.453
Chi khác	875	7.089
Chi về tài sản	396.641	404.009
Khấu hao tài sản cố định	128.562	127.321
Chi khác về tài sản	268.079	276.688
Chi cho hoạt động quản lý công cụ	378.205	395.314
Trích lập dự phòng cho các tài sản Có khác	225.122	141.288
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	43.716	34.793
	1.689.410	1.855.326

33. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Dự phòng cho vay các TCTD khác	130.814	48.489

Dự phòng cho vay khách hàng	204.606	466.318
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	(9.620)	(6.011)
	325.800	508.796

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	71.364	28.978

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	401.236	255.392
Thuế theo thuế suất của MSB (25%)	100.309	63.848
Chi phí không được khấu trừ	378	806
Thu nhập không chịu thuế	(31.823)	(35.701)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận tại công ty con	1.236	-
Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	1.264	25

Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	71.364	28.978
---	---------------	---------------

(c) Thuế suất áp dụng

MSB có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

35. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	329.872	226.414

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	793.679.130	800.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại trong năm	-	(2.818.164)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	793.679.130	797.181.836

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	2013 VND/cổ phiếu	2012 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	415	284

36. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	1.025.874	987.535
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	551.929	4.499.702
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	2.443.285	7.425.043
Tiền gửi tại các TCTD với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	2.854.060	5.547.360
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	-	1.312.351
	6.875.148	19.771.991

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, MSB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của Ngân hàng và do Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt.

Chi tiết một số giao dịch lớn với các bên liên quan trực tiếp trong năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Giao dịch 2013 Triệu VND
Các bên liên quan là tổ chức		
Các cổ đông chiến lược	Tiền gửi	26.291.133
	Lãi đã trả/phải trả	60.547
Các bên liên quan là cá nhân		
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cá nhân có liên quan	Tiền gửi	3.124.209
	Lãi đã trả/phải trả	1.150

Chi tiết số dư tiền gửi và tiền vay của các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Tại 31/12/2013 Triệu VND
Các bên liên quan là tổ chức		
Các cổ đông chiến lược	Tiền gửi	1.024.260
Các bên liên quan là cá nhân		
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cá nhân có liên quan	Tiền gửi	26.913

38. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	31/12/2012 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	(9.793)	36.573	(22.116)	4.664
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.251)	71.401	(2.211)	42.939
Các loại thuế khác	10.120	38.997	(45.627)	3.470
	(25.924)	146.951	(69.954)	51.073

39. Báo cáo bộ phận

MSB theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính tại Việt Nam như sau:

31/12/2013	Cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng	Công cụ tài chính phái sinh	Chứng khoán kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	27.409.337	65.486.909	17.637.438	33.504.783
Ngoài nước	-	4.792	-	-

31/12/2013	Cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng	Công cụ tài chính phái sinh	Chứng khoán kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	28.943.630	59.573.865	9.339.781	30.294.623
Ngoài nước	-	12.651	-	-

40. Thuyết minh giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý, giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giá trị ghi sổ									
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND		
Tài sản tài chính									
I	1.025.874	-	-	-	-	1.025.874	1.025.874		
II	-	-	551.929	-	-	551.929	551.929		
III	-	-	24.693.179	-	-	24.693.179	(*)		
IV	129.348	-	-	-	-	129.348	129.348		
V	48.112	-	-	-	-	48.112	(*)		
VI	-	-	26.676.110	-	-	26.676.110	(*)		
VII	147.470	506.208	-	32.721.757	-	33.375.435	(*)		
VIII	-	-	-	2.170.808	-	2.170.808	(*)		
IX	-	-	13.392.648	-	-	13.392.648	(*)		
	1.350.804	506.208	65.313.866	34.892.565	-	102.063.443			
Nợ phải trả tài chính									
I	-	-	-	-	644.189	644.189	(*)		
II	3.318.300	-	-	-	21.079.683	24.397.983	(*)		
III	-	-	-	-	65.491.701	65.491.701	(*)		
IV	-	-	-	-	141.402	141.402	(*)		
V	-	-	-	-	2.795.002	2.795.002	(*)		
VI	-	-	-	-	4.232.059	4.232.059	(*)		
	3.318.300	-	-	-	94.384.036	97.702.336			

(*) MSB chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành, cũng như chưa có đủ thông tin.

41. Thuyết minh công cụ tài chính

(a) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

MSB chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày những thông tin về những rủi ro mà MSB có thể gặp phải đối với mỗi loại rủi ro, và mục tiêu, chính sách và quy trình của MSB nhằm đánh giá, quản lý rủi ro việc quản lý nguồn vốn của MSB.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) MSB có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất của MSB. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT MSB đã thành lập Hội đồng quản lý tài sản Có/tài sản Nợ (ALCO) và Ủy ban Quản lý Rủi ro (BRC), các hội đồng này có trách nhiệm phê duyệt, khuyến nghị và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

Khung quản lý rủi ro của MSB được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động MSB. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của MSB được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà MSB gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp, các biện pháp kiểm soát, nhằm giám sát rủi ro tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ MSB cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, MSB hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của MSB hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

(b) Rủi ro tín dụng

MSB chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như khi MSB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hoặc khi MSB cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà MSB gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của MSB. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra, MSB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoài bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của MSB. MSB xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng, theo các giới hạn đã xác định bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của MSB. Về nguyên tắc, MSB không tham gia vào các hoạt động, sản phẩm tín dụng khi chưa có đầy đủ hiểu biết, các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng, MSB chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập, tập trung tại Khối Quản lý Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản lý Rủi ro là cơ sở để BRC ban hành các quyết định tín dụng quan trọng. MSB thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNNVN.

Cách tiếp cận tổng thể của MSB đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà MSB đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;

- Tập hợp, rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng;
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

Số liệu sau thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa của các công cụ tài chính của MSB tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng.

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	24.878.406	29.039.816
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	48.112	58.325
Cho vay khách hàng	27.409.337	28.943.630
Chứng khoán đầu tư	33.434.902	30.009.083
Tài sản Có khác	13.745.538	9.824.896
	99.516.295	97.875.750

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán không bao gồm chứng khoán vốn.

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	24.788.405	28.835.268
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	48.112	58.325
Cho vay khách hàng	23.517.783	24.055.364
Chứng khoán đầu tư	33.434.902	30.009.083
Tài sản Có khác	12.779.075	9.337.231
	94.568.277	92.295.271

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán không bao gồm chứng khoán vốn.

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
TÀI SẢN					
Cho vay khách hàng	255.614	77.260	19.027	86.462	438.363
Tài sản Có khác	262.479	158.750	-	-	421.229
	518.093	236.010	19.027	86.462	859.592

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn và đã bị giảm giá như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	90.000	90.000
Cho vay khách hàng	2.893.802	152.253	106.287	300.849	3.453.191
Tài sản Có khác	-	-	200.317	344.917	545.234
	2.893.802	152.253	306.604	735.766	4.088.425

Chi tiết về các tài sản đảm bảo MSB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày cuối năm như sau:

	31/12/2013 Triệu VND
Bất động sản	31.237.472
Máy móc thiết bị	8.131.127
Giấy tờ có giá	7.030.852
Các tài sản đảm bảo khác	31.764.836
	78.164.287

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi MSB không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của MSB; thậm chí có thể làm cho MSB bị phá sản.

MSB luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của MSB. Trong từng thời kỳ, dựa trên cơ cấu về Tài sản Nợ - Tài sản Có của MSB mà MSB sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

MSB hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của MSB. MSB nhận thức rõ ràng nguồn rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản MSB. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của MSB luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Bộ phận quản lý thanh khoản và bảng cân đối thuộc Phòng Nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ quản lý thanh khoản hàng ngày. Phòng Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản thuộc Khối Quản lý Rủi ro thực hiện nhiệm vụ giám sát vấn đề thanh khoản của MSB, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản, dự báo tình hình thanh khoản của MSB gửi ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của MSB và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. MSB áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, MSB theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của MSB trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNNVN và các quy định nội bộ của MSB.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của MSB trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. MSB định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của MSB trong các tình huống bất lợi. Đồng thời MSB cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Tỷ lệ thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước như sau:

- Tỷ lệ thanh khoản tối thiểu giữa các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền và các khoản tương đương tiền, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu niêm yết và tổng nợ phải trả là 15%.
- Tỷ lệ tối thiểu giữa tài sản phải thu và công nợ phải trả trong vòng 7 ngày làm việc kế tiếp bằng 1.

	31/12/2013	31/12/2012
Tỷ lệ thanh khoản trong vòng 7 ngày tiếp theo (%)	1,62	1,55

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MSB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MSB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MSB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	-	1.025.874	-	-	-	-	1.025.874
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	551.929	-	-	-	-	551.929
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	90.000	9.595.129	3.960.711	10.903.965	328.601	-	24.878.406
Chứng khoán kinh doanh	-	-	191.543	-	-	-	-	191.543
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	48.112	-	-	-	-	48.112
Cho vay khách hàng	160.568	406.943	1.193.324	2.460.205	7.088.436	6.791.991	9.307.870	27.409.337
Chứng khoán đầu tư	-	-	201.062	239.057	9.722.028	21.309.950	1.974.805	33.446.902
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	2.172.876	2.172.876
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	1.851.165	1.851.165
Tài sản có khác	3.886	595.213	12.917.590	913.527	2.438.329	77.267	-	16.945.812
	164.454	1.092.156	25.724.563	7.573.500	30.152.758	28.507.809	15.306.716	108.521.956
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	595.515	-	-	8.936	39.738	644.189
Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác	-	-	15.822.530	5.716.010	2.810.543	48.900	-	24.397.983
Tiền gửi của khách hàng	-	-	29.877.536	16.692.222	18.184.082	692.355	45.506	65.491.701
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	1.387	3.015	137.000	141.402
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2	-	1.970.000	825.000	-	2.795.002
Các khoản nợ phải trả khác	56	63	1.806.811	11.878	2.357.213	40.320	-	4.216.341
	56	63	48.102.394	22.420.110	25.323.225	1.618.526	222.244	97.686.618
Mức chênh thanh khoản ròng	164.398	1.092.093	(22.377.831)	(14.846.610)	4.829.533	26.889.283	15.084.472	10.835.338

(d) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của MSB do những biến động bất lợi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa có liên quan trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

(i) **Quản lý rủi ro thị trường**

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Quản lý rủi ro thị trường thuộc Khối Quản lý Rủi ro. Phòng Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình, công cụ, hướng dẫn phương pháp đo lường rủi ro thị trường, đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát việc tuân thủ hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của MSB.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường ban hành đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản và hệ thống công cụ, giới hạn rủi ro thị trường kiểm soát hoạt động kinh doanh (trading book) và các trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (banking book). Với các công cụ sử dụng kiểm soát tại Sổ kinh doanh như hạn mức Trạng thái ngoại tệ rỗng, hạn mức PV01, hạn mức, kỳ hạn... và sổ Ngân hàng như đo lường chênh lệch kỳ hạn (theo mô hình Repricing - Khe hở định giá lại). Ngân hàng đã mở rộng việc áp dụng phương pháp VaR lịch sử cho các danh mục khác nhau như: danh mục ngoại tệ, danh mục vàng, danh mục quyền chọn. Khi các điều kiện về cơ sở hạ tầng và mức độ sẵn có của dữ liệu đã sẵn sàng, Ngân hàng sẽ áp dụng các phương pháp ưu việt hơn như VaR, Mô phỏng Monte Carlo để đo lường chính xác mức độ rủi ro và xác định mức phân bổ vốn cần thiết để bù đắp rủi ro thị trường theo các chuẩn mực của Basel 2.

Công tác dự báo diễn biến thị trường có vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường. Bộ phận quản lý rủi ro thị trường phối hợp với các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu để đưa ra những dự báo nhận biết những thay đổi tiềm ẩn trên thị trường. Từ đó, MSB có cơ sở đầy đủ để quyết định những biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

(ii) **Rủi ro về giá chứng khoán**

Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán do MSB nắm giữ. MSB theo dõi các chứng khoán trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư của MSB bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. MSB quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

(iii) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của MSB do những biến động bất lợi của lãi suất. Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất được huy động tài trợ cho các tài sản có đó. Các hoạt động chính của MSB tạo ra rủi ro lãi suất gồm: các hoạt động cho vay, huy động, đầu tư.

Quản lý rủi ro lãi suất

Việc đánh giá rủi ro lãi suất được đo lường dựa trên mô hình tái định giá (repricing Model) để phân tích và xem xét thông qua 2 cách thức chính:

Phân tích thay đổi về thu nhập lãi ròng: Dựa trên phương pháp tính lãi cộng dồn do thay đổi về lãi suất theo các kịch bản khác nhau. Cách thức phân tích thay đổi về thu nhập lãi ròng được xem xét tác động trong ngắn hạn.

Phân tích ảnh hưởng giá trị vốn kinh tế (EVE): Giá trị này thể hiện tác động của các biến động về lãi suất lên giá trị kinh tế của tài sản có, tài sản nợ trong nội bảng và các tài sản trên bảng mục ngoại bảng. Cách thức phân tích ảnh hưởng giá trị vốn kinh tế được xem xét tác động trong dài hạn tới MSB đối với những biến động của lãi suất.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MSB được phân loại theo kỳ hạn tính từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày xác định lại lãi suất gần nhất hoặc theo ngày đáo hạn của hợp đồng.

Tài ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Triệu VND)	Quá hạn	Không ảnh hưởng bởi lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền và vàng	-	1.025.874	-	-	-	-	-	-	1.025.874
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	551.929	-	-	-	-	-	551.929
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	90.000	-	9.595.102	3.960.711	1.800.515	9.103.450	328.628	-	24.878.406
Chứng khoán kinh doanh	-	-	48.112	-	-	-	-	-	48.112
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	191.543	-	-	-	-	-	-	191.543
Cho vay khách hàng	3.989.246	-	16.960.314	3.079.791	389.653	2.965.104	25.129	100	27.409.337
Chứng khoán đầu tư	-	12.000	2.857.269	1.989.057	5.290.000	7.352.027	14.283.744	1.662.805	33.446.902
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	2.172.876	-	-	-	-	-	-	2.172.876
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.851.165	-	-	-	-	-	-	1.851.165
Tài sản có khác	527.568	15.581.691	-	-	-	254.833	581.720	-	16.945.812
	4.606.814	20.835.149	30.012.726	9.029.559	7.480.168	19.675.414	15.219.221	1.662.905	108.521.956
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	595.515	-	-	-	8.936	39.738	644.189
Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác	-	-	15.822.530	5.716.010	1.276.873	1.533.670	48.900	-	24.397.983
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng	-	25.279	29.877.536	16.692.222	7.399.395	10.784.215	667.548	45.506	65.491.701
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	658	729	3.015	137.000	141.402
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2	-	-	2.295.000	500.000	-	2.795.002
Các khoản nợ khác	-	4.072.606	79.893	-	-	23.863	39.979	-	4.216.341
	-	4.097.885	46.375.476	22.408.232	8.676.926	14.637.477	1.268.378	222.244	97.686.618
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	4.606.814	16.737.264	(16.362.750)	(13.378.673)	(1.196.758)	5.037.937	13.950.843	1.440.661	10.835.338
Lũy kế chênh lệch cảm với lãi suất	4.606.814	21.344.078	4.981.328	(8.397.345)	(9.594.103)	(4.556.166)	9.394.677	10.835.338	

Bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2013 và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2013 của MSB với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Loại tiền	Mức tăng lãi suất giả định	Triệu VND
VND	2,00%	(74.883)
USD	1,00%	(6.314)

(iv) **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MSB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Trong khi đó cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của MSB bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD...) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ. MSB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MSB và các quy định của NHNNVN. Đồng tiền giao dịch chính của MSB cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của MSB chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của MSB bằng ngoại tệ khác ngoài VND và Đô la Mỹ. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MSB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Triệu VND)	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền và vàng	154.502	52.128	189	59.319	266.138
Tiền gửi tại NHNNVN	133	-	-	-	133
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.077.886	485.026	-	134.344	6.697.256
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	26.534	443.110	-	33.728	503.372
Cho vay khách hàng	4.386.585	-	-	-	4.386.585
Tài sản có khác	543.066	-	-	-	543.066
	11.188.706	980.264	189	227.391	12.396.550
Nợ phải trả					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	48.674	-	-	-	48.674
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	4.578.238	317.617	-	18.863	4.914.718
Tiền gửi của khách hàng	7.249.152	633.481	-	194.082	8.076.715
Các khoản nợ khác	71.176	305	-	811	72.292
	11.947.240	951.403	-	213.756	13.112.399
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(758.534)	28.861	189	13.635	(715.849)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(84.667)	29.152	-	1.693	(53.822)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(843.201)	58.013	189	15.328	(769.671)

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 và vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 của MSB trong trường hợp:
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Loại tiền tệ	VND tăng giá 2% so với USD, EUR và vàng Triệu VND	VND giảm giá 2% so với USD, EUR và vàng Triệu VND
USD	15.171	(15.171)
Euro	(577)	577
Vàng	(4)	4
	14.590	(14.590)



28.2.2014

tiếp theo



www.msb.com.vn

**MARITIME
BANK**



MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH



KHU VỰC HÀ NỘI

- 1) Sở Giao dịch Maritime Bank
Số 115 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 943 3245 - Fax: (043) 942 0520
- 2) Maritime Bank Bà Triệu
Số 165 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 944 8050 - Fax: (043) 944 8051
- 3) Maritime Bank Nguyễn Du
Số 44 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 9766 238 - Fax: (043) 9766 237
- 4) Maritime Bank Minh Khai
Số 244 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 6249901/02/03 - Fax: (043) 6249897
- 5) Maritime Bank Nam Hà Nội
Số 168A Trần Đại Nghĩa, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 6285566 - Fax: (043) 6285637
- 6) Maritime Bank Lạc Trung
Số 102-104 Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 9878848
- 7) Maritime Bank Phố Huế
Số 181-185 Phố Huế, P. Phố Huế, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 9766161 - Fax: (043) 9766595
- 8) Maritime Bank Nguyễn Đình Chiểu
Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 9785388
- 9) Maritime Bank Ba Đình
Tầng 1 số 50 Ngô Thi Nhậm, P. Ngô Thi Nhậm, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 7226876 - Fax: (043) 7226879
- 10) Maritime Bank Bách Khoa
Số 242 Lê Thanh Nghị, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, HN
ĐT: (043) 628 5363 - Fax: (043) 628 5362
- 11) Maritime Bank Trần Nguyên Hãn
Số 5A Trần Nguyên Hãn, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 936 8955 - Fax: (043) 936 8991
- 12) Maritime Bank Hoàn Kiếm
Số 21 Bát Sứ, P. Hàng Bồ, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 923 3363 - Fax: (043) 923 3364
- 13) Maritime Bank Hồ Gươm
Số 9 Đinh Tiên Hoàng, P. Hàng Bạc, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 926 3388 - Fax: (043) 926 3399
- 14) Maritime Bank Hàng Da
Số 30 Đường Thành, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 938 1070 - Fax: (043) 938 1071

- 15) Maritime Bank Hà Nội
Số 71 Hai Bà Trưng, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 942 8340 - Fax: (043) 943 6477
- 16) Maritime Bank Phan Chu Trinh
Số 39 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 933 2299 - Fax: (043) 933 5182
- 17) Maritime Bank Đồng Xuân
Số 22 Trần Nhật Duật, P. Đồng Xuân, Q. Hoàn Kiếm, HN
ĐT: (043) 929 0515 - Fax: (043) 929 6556
- 18) Maritime Bank Đống Đa
Số 47A Huỳnh Thúc Kháng, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 773 5461 - Fax: (043) 773 5459
- 19) Maritime Bank Kim Liên
Số 25-27 Xã Đàn, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 573 7655 - Fax: (043) 573 7658
- 20) Maritime Bank Ô Chợ Dừa
TT thương mại OCD, số 29 Đê La Thành, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 513 2452 - Fax: (043) 513 2453
- 21) Maritime Bank Đông Đô
Số 07 Chùa Bộc, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 574 6396 - Fax: (043) 574 6397
- 22) Maritime Bank Láng Hạ
Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 2484202/201 - Fax: (043) 2484200
- 23) Maritime Bank Nguyễn Chí Thanh
Số 95 Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 7739533 - Fax: (043) 7739536
- 24) Maritime Bank Trần Quang Diệu
Số 49-51 Trần Quang Diệu, Tổ 102, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 5380994/3 - Fax: (043) 5380995
- 25) Maritime Bank Thái Thịnh
Số 110 Thái Thịnh, Q. Đống Đa, HN
ĐT: (043) 538 1018 - Fax: (043) 538 1015
- 26) Maritime Bank Hoàng Hoa Thám
Số 628 Hoàng Hoa Thám, P. Vĩnh Phúc, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 7617684 - Fax: (043) 7617683
- 27) Maritime Bank Kim Mã
Số 517 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, HN
ĐT: (043) 7711 620 - Fax: (043) 7711 619
- 28) Maritime Bank Đội Cấn
Số 101 Văn Cao, P. Liễu Giai, Q. Ba Đình, HN

MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH		MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH	
ĐT: (043) 762 2174 - Fax: (043) 762 2175		ĐT: (043) 786 8178 - Fax: (043) 786 8176	
29) Maritime Bank Hàng Đậu Số 39B Phan Đình Phùng, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, HN ĐT: (043) 734 5599 - Fax: (043) 734 7928	43) Maritime Bank Quan Hoa Lô B1-DN14, Nguyễn Khánh Toàn, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, HN ĐT: (043) 833 6969 - Fax: (043) 833 8989	57) Maritime Bank Yên Viên Số 227 Đường Hà Huy Tập, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm, HN ĐT: (043) 6983 372 - Fax: (043) 6983 371	70) Maritime Bank Hà Đông Tầng 1&2 số 08 Bà Triệu, P. Nguyễn Trãi, Q. Hà Đông, HN ĐT: (043) 5134609/11/12 - Fax: (043) 513 4610
30) Maritime Bank Quán Thánh Số 69 Quán Thánh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, HN ĐT: (04) 627 333 85 - Fax: (04) 627 333 86	44) Maritime Bank Hoàng Quốc Việt Số 69 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, HN ĐT: (043) 791 6686 - Fax: (043) 791 6667	58) Maritime Bank Bát Tràng Số 128 Đường Giang Cao, Xã Bát Tràng, H. Gia Lâm, HN ĐT: (043) 671 5176 - Fax: (043) 671 5171	71) Maritime Bank Văn Khê Căn hộ số 102, Tầng 1 và 2 CT2, Khu nhà ở Văn Khê, Q. Hà Đông, HN ĐT: (04) 63251724 / 63268333 - Fax: (04) 63251723
31) Maritime Bank Giang Văn Minh Số 73 Giang Văn Minh, P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, HN ĐT: (043) 7228062 - Fax: (043) 7228063	45) Maritime Bank Hồ Tây Số 39T Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, HN ĐT: (043) 715 2940 - Fax: (043) 715 2943	59) Maritime Bank Ninh Hiệp Thôn 7 xã Ninh Hiệp, H. Gia Lâm, HN ĐT: (043) 8760428 - Fax: (043) 8760438	72) Maritime Bank Sơn Tây Siêu thị Thành Sơn, Số 99 Phạm Ngũ Lão, P. Lê Lợi, TX Sơn Tây, HN ĐT: (043) 3618456 /57/58 - Fax: (043) 3618455
32) Maritime Bank Đào Tấn Số 53 Đào Tấn, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, HN ĐT: (043) 7606 085 - Fax: (043) 7606 084	46) Maritime Bank Thăng Long Số 668 Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, HN ĐT: (043) 718 4466 - Fax: (043) 718 4445	60) Maritime Bank Từ Liêm N1H, Nhà số 1 dự án nhà ở để bán, xã Mỹ Đình, Từ Liêm (phía sau bến xe Mỹ Đình), HN ĐT: (04) 6287 3766 - Fax: (04) 6287 3764	KHU VỰC THÁI NGUYÊN
33) Maritime Bank Thanh Xuân Tầng 1 Nhà A, 190 Nguyễn Tuân, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, HN ĐT: (043) 5577979 - Fax: (043) 557 4033	47) Maritime Bank Hà Thành Số 38 Đường Xuân La, tổ 34, cụm 5, Q. Tây Hồ, HN ĐT: (043) 938 7037/8 - Fax: (043) 938 7036	61) Maritime Bank Cầu Diễn Số 253 Hồ Tùng Mậu, TT Cầu Diễn, H. Từ Liêm, HN ĐT: (043) 763 2432 - Fax: (043) 763 2430	
34) Maritime Bank Ngã Tư Sở Tầng 1&2, số 31 ngõ 46 Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, HN ĐT: (04) 629 45645	48) Maritime Bank Bắc Linh Đàm Số 9A, M3TT6 Bắc Linh Đàm, KĐT mới Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, HN ĐT: (043) 540 0550 - Fax: (043) 540 0551	62) Maritime Bank Mỹ Đình Số 1, toà nhà B5, Khu đô thị Mỹ Đình I, Đường Nguyễn Cơ Thạch, H. Từ Liêm, HN ĐT: (04) 6287 2943 - Fax: (04) 6287 2946	73) Maritime Bank Thái Nguyên Toà nhà Bảo Việt, số 51 Hoàng Văn Thụ, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên ĐT: (0280) 3652 688 - Fax: (0280) 3652 626
35) Maritime Bank Thanh Xuân Nam Số 19 Nguyễn Trãi, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, HN ĐT: (043) 568 2098 - Fax: (043) 568 2118	49) Maritime Bank Định Công Số 3 dãy A, Lô 5, KĐT Định Công, Q. Hoàng Mai, HN ĐT: (043) 640 4910 - Fax: (043) 640 4913	63) Maritime Bank Sông Đà Số 5, CT4, Khu đô thị Mỹ Đình, H. Từ Liêm, HN ĐT: (043) 787 8253 - Fax: (043) 787 8254	74) Maritime Bank Chợ Thái Tầng 1 Công trình Chợ Thái, đường bến Oánh, P. Trưng Vương, TP. Thái Nguyên ĐT: (0280) 3735 992 - Fax: (0280) 3735 994
36) Maritime Bank Phương Liệt Số 3D Trường Chinh, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, HN ĐT: (046) 278 2365 - Fax: (043) 869 1609	50) Maritime Bank Kim Đồng Số 49 Kim Đồng, P. Giáp Bát, Q. Hoàng Mai, HN ĐT: (043) 668 6024 - Fax: (043) 668 6023	64) Maritime Bank Trung Văn Số 302 Đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, H. Từ Liêm, HN ĐT: (043) 5544 928 - Fax: (043) 5544 924	75) Maritime Bank Bắc Nam Số 675 Đường Lương Ngọc Quyến, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên ĐT: (0280) 3853 662 - Fax: (0280) 3652 662
37) Maritime Bank Khương Mai Số 151 Nguyễn Ngọc Nại, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, HN ĐT: (043) 566 7318 - Fax: (043) 566 7320	51) Maritime Bank Hoàng Mai Số 68 Đường Hồ Diệu Hoà, Đền Lừ 2, Q. Hoàng Mai, HN ĐT: (043) 621 0042 - Fax: (043) 621 0043	65) Maritime Bank Đông Anh Tổ 4 Bưu điện TT5, TT. Đông Anh, Huyện Đông Anh, HN ĐT: (043) 9656138 - Fax: (043) 9656141	KHU VỰC VINH PHÚC
38) Maritime Bank Ngọc Lâm Tầng 1, số 167 Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, HN ĐT: (043) 7835212/14/15 - Fax: (043) 7835205	52) Maritime Bank Hoàng Liệt Số 02, Tầng 1, Chung cư Nhà N6A, Khu bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, HN ĐT: (043) 6417644/3 - Fax: (043) 6417645	66) Maritime Bank Nội Bài C104 khu C, sảnh tầng 1, nhà Ga T1, cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, H. Sóc Sơn, HN ĐT: (043) 8866850 - Fax: (043) 8866872	
39) Maritime Bank Cầu Giấy Số 35 - 37 Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, HN ĐT: (043) 7958200 - Fax: (043) 37951821	53) Maritime Bank Long Biên Số 550 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, HN ĐT: (043) 873 6173 - Fax: (043) 873 6171	67) Maritime Bank Vạn Xuân Bưu điện Hà Đông, Số 4 Đường Quang Trung, P. Quang Trung, Q. Hà Đông, HN ĐT: (043) 3554945 - Fax: (043) 3554944	76) Maritime Bank Vinh Phúc Số 371 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vinh Yên, Vinh Phúc ĐT: (02113) 710 899 - Fax: (02113) 710 999
40) Maritime Bank Trảng An Số 253 Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, HN ĐT: (043) 767 5229 - Fax: (043) 767 5231	54) Maritime Bank Chương Dương Số 217 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, HN ĐT: (043) 873 6881 - Fax: (043) 873 6880	68) Maritime Bank Xa La Số 6 Biệt thự số 8 KĐT M Xa La, P. Phúc La, Q. Hà Đông, HN ĐT: (043) 3115899 - Fax: (043) 3115897	77) Maritime Bank Kim Ngọc Số 2 Ngõ Quyển, P. Ngõ Quyển, TP. Vinh Yên, Vinh Phúc ĐT: (02113) 716655 - Fax: (02113) 716664
41) Maritime Bank Nghĩa Tân Tầng 1 số 04 Nhà A28, P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, HN ĐT: (043) 7918353	55) Maritime Bank Đức Giang Số 79 Ngõ Gia Tự, P. Đức Giang, Q. Long Biên, HN ĐT: (043) 6524 180 - Fax: (043) 6524 181	69) Maritime Bank Văn Quán Số 60 Nguyễn Khuyến, KĐT mới Văn Quán, Q. Hà Đông, HN ĐT: (043) 3541688 - Fax: (043) 3541533	78) Maritime Bank Phúc Yên Số 23 Đường Trần Hưng Đạo, TX. Phúc Yên, Vinh Phúc ĐT: (02113) 511 966 - Fax: (02113) 511 955
42) Maritime Bank Trung Yên 144 Trung Hoà, Q. Cầu Giấy, HN	56) Maritime Bank Việt Hưng Số 106 - 108, K11 Khu đô thị Việt Hưng, Q. Long Biên, HN		79) Maritime Bank Vinh Yên Số 110 Ngõ Quyển, P. Ngõ Quyển, TP. Vinh Yên, Vinh Phúc ĐT: (02113) 779 922 - Fax: (02113) 779 911
94 MARITIME BANK BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013			KHU VỰC PHÚ THỌ
			80) Maritime Bank Phú Thọ Số 2183 Đại lộ Hùng Vương, P. Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Phú Thọ ĐT: (02103) 818 222 - Fax: (02103) 818 123
			81) Maritime Bank Tiên Cát Số 1347 Đại lộ Hùng Vương, P. Tiên Cát, TP. Việt Trì, Phú Thọ ĐT: (02103) 993868 - Fax: (02103) 993989
MARITIME BANK BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013		MARITIME BANK BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013 95	

82) Maritime Bank Lâm Thao
Số 304 Khu 6, TT. Hùng Sơn, H. Lâm Thao, Phú Thọ
ĐT: (02103) 786 456 - Fax: (02103) 738 389

KHU VỰC BẮC NINH

83) Maritime Bank Bắc Ninh
Số 274, 276 Ngõ Gia Tự, P.Tiền An, TP. Bắc Ninh
ĐT: (0241) 389 3232 - Fax: (0241) 389 3434

84) Maritime Bank Từ Sơn
Số 276 Trần Phú, P. Đông Ngàn, TX. Từ Sơn, Bắc Ninh
ĐT: (0241) 374 3858 - Fax: (0241) 374 3858

85) Maritime Bank Quế Võ
Bưu điện H. Quế Võ, Ngã tư Trung tâm TT. Phố Mới, H. Quế Võ, Bắc Ninh
ĐT: (0241) 386 4636 - Fax: (0241) 386 4515

KHU VỰC BẮC GIANG

86) Maritime Bank Bắc Giang
Toà nhà Bưu điện, Số 151 Hùng Vương, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
ĐT: (0240) 3898 666 - Fax: (0240) 3898 000

KHU VỰC QUẢNG NINH

87) Maritime Bank Quảng Ninh
Số 168 Lê Thánh Tông, P. Bạch Đằng, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 826 174 - Fax: (0333) 826 176

88) Maritime Bank Hồng Hải
Toà nhà City Complex, Tổ 4, Khu 10, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 518 510 - Fax: (0333) 518 513

89) Maritime Bank Cao Xanh
Số 393 Cao Xanh, TP Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 619 766 - Fax: (0333) 619 768

90) Maritime Bank Bãi Cháy
Tổ 5, Khu 9A, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 640 401 - Fax: (0333) 640 405

91) Maritime Bank Giếng Đáy
Số nhà 194, tổ 1, khu 3B, P.Giếng Đáy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 525 628 - Fax: (0333) 525 627

92) Maritime Bank Vườn Đào
Khách sạn Hồng Gai, Đường Hạ Long, P. Bãi Cháy, TP.Hạ Long, ư Quảng Ninh
ĐT: (0333) 515 626 - Fax: (0333) 515 627

93) Maritime Bank Cẩm Phả
Số 158 Trần Phú, P. Cẩm Tây, TX. Cẩm Phả, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 938 999 - Fax: (0333) 936 127

94) Maritime Bank Cửa Ông
Số 432 Lý Thường Kiệt, P. Cửa Ông, TX. Cẩm Phả, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 950 599 - Fax: (0333) 950 566

95) Maritime Bank Vân Đồn
Khu 7, TT. Cái Rồng, H. Vân Đồn, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 968600 - Fax: (0333) 968500

96) Maritime Bank Móng Cái
Tầng 1, Móng Cái Plaza, số 1 Đường Hùng Vương, P. Trần Phú, TP Móng Cái, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 785686 - Fax: (0333)785 689

97) Maritime Bank Uông Bí
Số 288 Đường Quang Trung, P. Quang Trung, TX. Uông Bí, Quảng Ninh
ĐT: (0333) 566 188 - Fax: (0333) 566 187

KHU VỰC HẢI DƯƠNG

98) Maritime Bank Hải Dương
Tòa nhà Bưu điện Tỉnh Hải Dương, Số 1 Đại lộ Hồ Chí Minh, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương
ĐT: (0320) 3852 222 - Fax: (0320) 3834 567

99) Maritime Bank Chí Linh
Tòa nhà Bưu điện H. Chí Linh, 233 Phố Nguyễn Trãi 2, TT. Sao đỏ, H. Chí Linh, Hải Dương
ĐT: (0320) 3586 588 - Fax: (0320) 3586 587

100) Maritime Bank Gia Lộc
Bưu điện Trung tâm, TT. Gia Lộc, H. Gia Lộc, Hải Dương
ĐT: (0320) 3514 999 - Fax: (0320) 3514 966

101) Maritime Bank Hải Tân
Số 677 Đại lộ Lê Thanh Nghị, P. Hải Tân, TP. Hải Dương, Hải Dương
ĐT: (0320) 3865 222 - Fax: (0320) 3865 678

102) Maritime Bank Ninh Giang
Số 101 Đường Trần Hưng Đạo, TT. Ninh Giang, H. Ninh Giang, Hải Dương
ĐT: (0320) 3662 555 - Fax: (0320) 3662 468

KHU VỰC HẢI PHÒNG

103) Maritime Bank Hải Phòng
Số 9 Nguyễn Tri Phương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng
ĐT: (0313) 823 076 - Fax: (0313) 823 607

104) Maritime Bank Hồng Bàng
Số 27C Điện Biên Phủ, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng
ĐT: (0313) 746 366 - Fax: (0313) 746 479

105) Maritime Bank Phan Bội Châu
Số 60 Phan Bội Châu, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

ĐT: (0313) 822 509 - Fax: (0313) 696 997

106) Maritime Bank Quán Toan
Số 541B Quán Toan, P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng
ĐT: (0313) 282 855 - Fax: (0313) 282 889

107) Maritime Bank Lê Hồng Phong
Tầng 1 TTTM CATBI PLAZA, số 01 Lê Hồng Phong, P. Lạc Viên, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
ĐT: (0313) 833.818 - Fax: (0313) 833.816

108) Maritime Bank An Dương
Số 234 Trần Nguyên Hãn, P. Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân, Hải Phòng
ĐT: (0313) 789 866 - Fax: (0313) 789 816

109) Maritime Bank Lê Chân
Số 341 Tô Hiệu, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, Hải Phòng
ĐT: (0313) 956 376 - Fax: (0313) 956 677

110) Maritime Bank An Biên
Số 76 Phố Hai Bà Trưng, P. An Biên, Q. Lê Chân, Hải Phòng
ĐT: (0313) 631 866/631 886 - Fax: (0313) 631 826

111) Maritime Bank Ngô Quyền
Số 282 Đường Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
ĐT: (0313) 567 882 - Fax: (0313) 567 863

112) Maritime Bank Lạch Tray
Số 215 Lạch Tray, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
ĐT: (0313) 653 184 - Fax: (0313) 653 183

113) Maritime Bank Văn Cao
Số 192-194 Văn Cao, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
ĐT: (0313) 260 866/89 - Fax: (0313) 261 310

KHU VỰC THÁI BÌNH

114) Maritime Bank Thái Bình
Số 07 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Thái Bình
ĐT: (036) 3644 999 - Fax: (036) 3849 686

115) Maritime Bank Lê Quý Đôn
Số 233 Phố Lê Quý Đôn, P. Bồ Xuyên, TP. Thái Bình
ĐT: (036) 3836 666 - Fax: (036) 3832 989

116) Maritime Bank Nguyễn Huệ
Số 204 Lý Thường Kiệt, P. Kỳ Bá, TP. Thái Bình
ĐT: (036) 3648 379 - Fax: (036) 3648 479

117) Maritime Bank Quỳnh Phụ
Khu 1B, TT. Quỳnh Côi, H. Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình
ĐT: (036) 3926 778 - Fax: (036) 3926 779

KHU VỰC HÀ NAM

118) Maritime Bank Hà Nam

Số 104 Trần Phú, P. Quang Trung, TP. Phủ Lý, Hà Nam
ĐT: (03513) 828 080 - Fax: (03513) 828 181

119) Maritime Bank Phủ Lý
Số 106 Nguyễn Văn Trỗi, P. Minh Khai, TP. Phủ Lý, Hà Nam
ĐT: (03513) 828 484

120) Maritime Bank Đồng Văn
Số 176 Phố Nguyễn Hữu Tiến, TT. Đồng Văn, H. Duy Tiên, Hà Nam
ĐT: (03513) 583 616

KHU VỰC NAM ĐỊNH

121) Maritime Bank Nam Định
Số 272 Trần Hưng Đạo, P. Bà Triệu, TP. Nam Định
ĐT: (03503) 832 333 - Fax: (03503) 832 969

122) Maritime Bank Nghĩa Hưng
Số 32K2, TT. Liễu Đề, H. Nghĩa Hưng, Nam Định
ĐT: (03503) 713 816 - Fax: (03503) 716 818

123) Maritime Bank Hải Hậu
Khu phố 1, TT Yên Định, H. Hải Hậu, Nam Định
ĐT: (03503) 775 776 - Fax: (03503) 775 776

124) Maritime Bank Vụ Bản
Số 66 Đường Non Côi, TT. Gôi, H. Vụ Bản, Nam Định
ĐT: (03503) 989 990 - Fax: (03503) 989 991

125) Maritime Bank Hòa Vượng
Số 116 Đường Giải phóng kéo dài, KĐT Hòa Vượng, P. Cửa Bắc, TP Nam Định
ĐT: (03503) 558558 - Fax: (03503) 558559

KHU VỰC NINH BÌNH

126) Maritime Bank Ninh Bình
Số 06 Lê Đại Hành, P. Thanh Bình, TP. Ninh Bình
ĐT: (0303) 899 130 - Fax: (0303) 899 131

KHU VỰC THANH HOÁ

127) Maritime Bank Thanh Hóa
Lô 02-03 Khu nhà liền kề Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá
ĐT: (0373) 728 555 - Fax: (0373) 727 828

128) Maritime Bank Bim Sơn
Số 17 Đường Nguyễn Huệ, Khu phố 1, P. Ngọc Trạo, TX Bim Sơn, TP. Thanh Hóa
ĐT: (0373) 779 888 - Fax: (0373) 779 789

129) Maritime Bank Tây Thành
Số 296 Đường Nguyễn Trãi, P. Tân Sơn, TP Thanh Hóa
ĐT: (0373) 728 909 - Fax: (0373) 728 919

MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH	
130)	Maritime Bank Trường Thi Số 239 Đường Trường Thi, P. Điện Biên, TP Thanh Hóa ĐT: (0373) 719 757 - Fax: (0373) 719 756
KHU VỰC NGHỆ AN	
131)	Maritime Bank Nghệ An Tòa nhà Bưu điện tỉnh Nghệ An, Số 2 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Hưng Bình, TP. Vinh, Nghệ An ĐT: (038) 860 1111 - Fax: (038) 860 0567
132)	Maritime Bank Bến Thủy Số 199 Lê Duẩn, P. Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An ĐT: (038) 355 9898 - Fax: (038) 355 9798
133)	Maritime Bank Thành Vinh 10/14 Tòa nhà Tecco, Đường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An ĐT: (038) 860 9699 - Fax: (038) 860 8799
134)	Maritime Bank Chợ Vinh Số 20 Đường Lê Huân, P. Hồng Sơn, TP Vinh, Nghệ An ĐT: (038) 8699 111
135)	Maritime Bank Thái Hoà Số 174 Đường Nguyễn Trãi, P. Hoà Hiếu, TX. Thái Hoà, Nghệ An ĐT: (038) 3811 266
KHU VỰC HÀ TĨNH	
136)	Maritime Bank Hà Tĩnh Tòa nhà Bưu Điện tỉnh Hà Tĩnh, Số 06 Đường Trần Phú, P. Bắc Hà, TP. Hà Tĩnh ĐT: (0393) 777858 - Fax: (0393) 777848
KHU VỰC QUẢNG BÌNH	
137)	Maritime Bank Quảng Bình KS Thái Bình, Số 46 Đường Lý Thường Kiệt, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình ĐT: (0523) 855 789 - Fax: (0523) 816 668
138)	Maritime Bank Ba Đồn 156 Chu Văn An, khu phố 1, TT. Ba Đồn, H. Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình ĐT: (0523) 696 999
KHU VỰC HUẾ	
139)	Maritime Bank Huế 14B Lý Thường Kiệt, P. Vinh Ninh, TP. Huế ĐT: (0543) 981 111 - Fax: (0543) 938 109
KHU VỰC ĐÀ NẴNG	
140)	Maritime Bank Đà Nẵng Số 15 Lê Duẩn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

	ĐT: (05113) 825 019 - Fax: (05113) 825 014
141)	Maritime Bank Chợ Cồn 211 Ông Ích Khiêm- Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng ĐT: (05113) 553 995 - Fax: (05113) 553 997
142)	Maritime Bank Hoàng Diệu Số 317 Hoàng Diệu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (05113) 584 995 - Fax: (05113) 584 994
143)	Maritime Bank Hải Châu Số 128 Phan Châu Trinh, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (05113) 565 996 - Fax: (05113) 565 995
144)	Maritime Bank Thanh Khê Số 354 Đường Hùng Vương, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng ĐT: (05113) 666 111 - Fax: (05113) 666 110
145)	Maritime Bank Hoà Khánh 224 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng ĐT: (05113) 736 556 - Fax: (05113) 736 889
KHU VỰC QUẢNG NAM	
146)	Maritime Bank Quảng Nam Số 415 Phan Chu Trinh, P.Phước Hoà, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam ĐT: (05103) 833344 / 833633 - Fax: (05103) 833399
KHU VỰC BÌNH ĐỊNH	
147)	Maritime Bank Bình Định Số 2 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định ĐT: (0563) 523389/523058 - Fax: (0563) 523489
KHU VỰC ĐẮC LẮC	
148)	Maritime Bank Đắk Lắk Tòa nhà Bưu Điện tỉnh, Số 1 Đường Nơ Trang Long, P. Tân Tiến, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk ĐT: (05003) 847 444 - Fax: (05003) 847 222
149)	Maritime Bank Số 1 Số 105 Ngô Quyền, P. Tân Lợi, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk ĐT: (05003) 678 679 - Fax: (05003) 657 789
150)	Maritime Bank Buôn Mê Thuột Số 02 Đường Điện Biên Phủ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk ĐT: (05003) 657 999 - Fax: (05003) 657 779
KHU VỰC PHÚ YÊN	
151)	Maritime Bank Phú Yên Số 206A Trần Hưng Đạo, P. 4, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

ĐT: (0573) 896879 - Fax: (0573) 827567

KHU VỰC KHÁNH HOÀ

152)	Maritime Bank Vĩnh Nguyên Số 212 Dã Tượng, P. Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang ĐT: (0583) 889 363 / 9 - Fax: (0583) 889 361
153)	Maritime Bank Nha Trang Số 51 Lê Thành Phương, P. Phương Sài, TP. Nha Trang ĐT: (0583) 560 585 / 6 - Fax: (0583) 560 585
154)	Maritime Bank Khánh Hòa Số 76A Quang Trung, P. Lộc Thọ, TP Nha Trang ĐT: (0583) 526161 - Fax: (0583) 525 155
155)	Maritime Bank Vĩnh Phước Số 36KA Đường 2/4, P. Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang ĐT: (0583) 545 555 / 6 - Fax: (0583) 545 557
156)	Maritime Bank Cam Ranh Số 1 Đại lộ Hùng Vương, P. Cam Lộc, TP. Cam Ranh ĐT: (0583) 955 068 / 79 - Fax: (0583) 955959

KHU VỰC LÂM ĐỒNG

157)	Maritime Bank Lâm Đồng Số 104 Phan Đình Phùng, P.2, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng ĐT: (0633) 582 888/999 - Fax: (0633) 582 666
------	---

KHU VỰC TP. HỒ CHÍ MINH

158)	Maritime Bank Hồ Chí Minh Tầng 1, Toà nhà Maritime Bank, Số 180-192 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM ĐT: (083) 8222177 - 5214260
159)	Maritime Bank Quận 3 Số 169 - 171 Cách mạng Tháng Tám, P.5, Q.3, TP. HCM ĐT: (083) 8226836 / 5218757 - Fax: (08)3 822 5094
160)	Maritime Bank Yoko Tầng trệt, Cao ốc Yoko, Số 41 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM ĐT: (083) 8238839 - Fax: (083) 8238840
161)	Maritime Bank Quận 2 Số 218 Đường Trần Nãi, P. Bình An, Q.2, TP. HCM ĐT: (083) 740 2477 - Fax: (083) 740 2478
162)	Maritime Bank Đô Thành Số 26 - 28 Đường Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM ĐT: (083) 929 1770 (ext 104) / (083) 929 1773 - Fax: (083) 929
163)	Maritime Bank Bàn Cờ Số 518 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP.HCM ĐT: (083) 938 2279 - Fax: (083) 938 2280

MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH	
164)	Maritime Bank Khánh Hội Số 159 Khánh Hội, P. 3, Q. 4, TP. HCM ĐT: (083) 941 4387 - (083) 940 7602
165)	Maritime Bank Trần Hưng Đạo Số 536 Trần Hưng Đạo, P. 2, Q.5, TP. HCM ĐT: (083) 924 4073 - Fax: (083) 838 0515
166)	Maritime Bank An Đông Số 154 đường Hùng Vương, P.2, Q.10, TP.HCM ĐT: (083) 923 3325 - Fax: (083) 9239578
167)	Maritime Bank Tân Thành Số 397-399 Nguyễn Chí Thanh, P. 15, Q. 5, TP. HCM ĐT: (083) 955 7976
168)	Maritime Bank Quận 5 Số 238 Hải Thượng Lãn Ông, Q.5, TP. HCM ĐT: (083) 859 0178 - Fax: (083) 859 0177
169)	Maritime Bank Kim Biên Tầng 1, số 18 đường Học Lạc, P.14, Q.5, TP. HCM ĐT: (083)950 8790
170)	Maritime Bank Quận 6 Số 51-53 Nguyễn Thị Nhỏ, P. 2, Q. 6, TP. HCM ĐT: (083) 956 0678 - Fax: (083) 955 9655
171)	Maritime Bank Quận 7 Số 561A Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM ĐT: (083) 775 3079 / 775 3091 - Fax: (083) 775 3097
172)	Maritime Bank Mỹ Toàn Tầng 1 và 2, D204 - D205, Lô R19 - 1, Khu phố Mỹ Toàn 3, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM ĐT: (08) 54105955 - Fax: (08) 54105958
173)	Maritime Bank Tân Thuận Số 412 Đường Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Q. 7, TP. HCM ĐT: (083) 773 4922 - Fax: (083) 773 4921
174)	Maritime Bank Hưng Phú Số 831 Hưng Phú, P.9, Q.8, TP. HCM ĐT: (083) 979 8275
175)	Maritime Bank Quận 9 Số 94 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9, TP. HCM ĐT: (083) 730 6617 - Fax: (083) 730 6618
176)	Maritime Bank Nguyễn Tri Phương Số 345 Nguyễn Tri Phương, P. 5, Q. 10, TP. HCM ĐT: (083) 957 4553 - Fax: (083) 957 4552
177)	Maritime Bank Tân Bình Số 407 Tô Hiến Thành, P. 13, Q. 10, TP. HCM

	MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH
	ĐT: (083) 868 8028 - Fax: (083) 868 8029
178)	Maritime Bank Sài Gòn Số 575 Sư Vạn Hạnh, P. 13, Q. 10, TP. HCM. ĐT: (083) 927 3022 - Fax: (083) 834 5696
179)	Maritime Bank Lê Đại Hành Số 457C Lê Đại Hành, P. 11, Q.11, TP. HCM ĐT: (083) 9625934/6 - Fax: (083) 9625932
180)	Maritime Bank Minh Phụng Số 295-297 Minh Phụng, P. 2, Q. 11, TP. HCM ĐT: (083) 969 9631/4 - Fax: (083) 969 9633
181)	Maritime Bank Lãnh Binh Thăng Số 296 – 298 Đường Lãnh Binh Thăng, P. 11, Q.11, TP. HCM ĐT: (083) 962 6136 - Fax: (083) 962 6136
182)	Maritime Bank An Sương Số 207-209 Đường Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Q. 12 , TP. HCM ĐT: (083) 7040 084 - Fax: (083) 7040 083
183)	Maritime Bank Thị Nghè Số 141 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM ĐT: (083) 5144 803 - Fax: (083) 5144 798
184)	Maritime Bank Bình Thạnh Số 27 Đường D2, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM ĐT: (083) 512 1090 / 512 1092 - Fax: (083) 512 1089
185)	Maritime Bank Phú Nhuận Số 49A Phan Đăng Lưu, P. 7, Q. Phú Nhuận, TP. HCM ĐT: (08)3 551 1617 / 18 - Fax: (083) 551 3619
186)	Maritime Bank Phan Xích Long Số 143-145 Phan Xích Long, P. 7, Q. Phú Nhuận, TP.HCM ĐT: (083) 5176102 - Fax: (083) 5176104
187)	Maritime Bank Hoàng Văn Thụ Số 139C Hoàng Văn Thụ, P. 8, Q. Phú Nhuận, TP. HCM ĐT: (083) 9977933 - Fax: (083) 9977934
188)	Maritime Bank Thủ Đức Số 153 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. HCM ĐT: (083) 720 4279 - Fax: (083) 720 4279
189)	Maritime Bank Nguyễn Văn Trỗi Số 135 Nguyễn Văn Trỗi, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. HCM ĐT: (083) 9979568 - Fax: (083) 9977467
190)	Maritime Bank Gò Vấp Số 267 Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM ĐT: (083) 989 7944 - Fax: (083) 989 7949
191)	Maritime Bank Cộng Hoà Số 423 Đường Cộng Hoà, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM
100	MARITIME BANK BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

	ĐT: (085) 434 1676 - Fax: (085) 434 1672
192)	Maritime Bank Lạc Long Quân Số 1230 Đường Lạc Long Quân, P. 8, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (083) 971 8125 - Fax: (083) 971 8122
193)	Maritime Bank Bàu Cát Số 207-209 Bàu Cát, P.12, Q. Tân Bình, TP HCM ĐT: (083) 949 0181 - Fax: (083) 949 0994
194)	Maritime Bank Phổ Quang Khu A, Tòa nhà Waseco, số 10 Đường Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (083) 997 9506/08 - Fax: (083) 997 9511
195)	Maritime Bank Trường Sơn Số 101 Đường Trần Quốc Hoàn, P. .4, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (083) 9487012 - Fax: (083) 9487013
196)	Maritime Bank Lữ Gia Số 328 Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (083) 864 5339 / 864 5340 - Fax: (083) 864 5337
197)	Maritime Bank Lê Thị Riêng Số 699 Đường Cách mạng Tháng Tám, P. 6, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (083) 977 0257 / 970.8046
198)	Maritime Bank Tam Bình Số 681 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, TP. HCM ĐT: (083) 8172876 - Fax: (083) 8172879
199)	Maritime Bank Lê Trọng Tấn Số 79 Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: (083) 816 0491 - Fax: (083) 816 0493
200)	Maritime Bank Tân Phú Số 710 Lũy Bán Bích, P. Tân Thành, Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: (083) 813 0282 - Fax: (083) 813 0283

KHU VỰC ĐỒNG NAI

201)	Maritime Bank Đồng Nai Số 3/12 – 3/12A Đồng Khởi, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: (061) 3857 588 / 088 - Fax: (061) 3895 858
202)	Maritime Bank Phạm Văn Thuận Số 100/497 Đường Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: (061) 8822 545 / 8822 567 - Fax: (061) 8822 546
203)	Maritime Bank Tân Biên Số 97/7 Khu phố 5A, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: (0613) 886 919/929 - Fax: (0613) 886 939

KHU VỰC BÌNH THUẬN

204)	Maritime Bank Bình Thuận Số 154 Đường Trần Hưng Đạo, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận ĐT: (0623) 834393 / 94- Fax: (0623) 833394
------	--

KHU VỰC TÂY NINH

205)	Maritime Bank Tây Ninh Số 403 đường Cách Mạng Tháng Tám, P. 3, TX. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh ĐT: (0663) 822 666
------	---

KHU VỰC BÌNH DƯƠNG

206)	Maritime Bank Bình Dương Tầng 1, 2 Toà nhà New Horizon, 230 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hoà, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương ĐT: (0650) 2220270 - Fax: (0650) 2220276
207)	Maritime Bank Phú Cường Số 27 Yersin, P. Phú Hòa, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương ĐT: (0650) 385 5372 - Fax: (0650) 385 5373
208)	Maritime Bank Mỹ Phước Số 18-19, Lò L67, Khu dân cư cấp 3A, xã Thới Hòa, H. Bến Cát, Bình Dương ĐT: (06503) 510 218/19 - Fax: (06503) 510 220

KHU VỰC LONG AN

209)	Maritime Bank Long An Số 25 Nguyễn Đình Chiểu, P. 1, TP. Tân An, Tỉnh Long An ĐT: (0723) 839049 - Fax: (0723) 839019
------	--

KHU VỰC TIỀN GIANG

210)	Maritime Bank Tiền Giang Số 71A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 4, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang ĐT: (0733) 959888 - Fax: (0733) 959889
------	---

KHU VỰC BÀ RỊA VŨNG TÀU

211)	Maritime Bank Vũng Tàu Số 55-57 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. Vũng Tàu ĐT: (0643) 859 905 - Fax: (0643) 859 903
212)	Maritime Bank Đông Xuyên Số 572 Đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu ĐT: (0643) 615 464 - Fax: (0643) 615 474
213)	Maritime Bank Ba Cu Số 304 Lê Hồng Phong, P. 4, TP. Vũng Tàu

	MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH
	ĐT: (0643) 527 768 - Fax: (0643) 527 769
214)	Maritime Bank Trung Trắc Số 04 Trung Trắc, P. 1, TP. Vũng Tàu ĐT: (0643) 513 131 - Fax: (0643) 513 130
215)	Maritime Bank Bà Rịa Số 28-30 Nguyễn Hữu Thọ, P. Phước Trung, TX. Bà Rịa ĐT: (0643) 717 468 - Fax: (0643) 717 464
216)	Maritime Bank Phước Trung Số 54 Lê Quý Đôn, P. Phước Trung, TP. Bà Rịa ĐT: (0643) 890 448 - Fax: (0643) 890 338
217)	Maritime Bank Cần Thơ Số 40 Phan Đình Phùng, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ ĐT: (07103) 824 792 - Fax: (07103) 820 279
218)	Maritime Bank Hưng Lợi Số 188A Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (07103) 782 783 - Fax: (07103) 782 796
219)	Maritime Bank An Thới Số 304 Đường Cách mạng Tháng Tám, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ĐT: (07103) 880 509 - Fax: (07103) 880 507
220)	Maritime Bank Thốt Nốt Lô 7, Khu dân cư TT thương mại Thốt Nốt, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ ĐT: (07103) 612 769 - Fax: (07103) 612 767

KHU VỰC KIÊN GIANG

221)	Maritime Bank Kiên Giang Số 46 Trần Phú, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang ĐT: (0773) 913 555 - Fax: (0773) 913 777
------	--



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2013



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Maritime Bank Tower, 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-4) 3771 8989 Fax: (84-4) 3771 8899 Call Center: (04) 39 44 55 66

Email: msb@msb.com.vn Website: www.msb.com.vn

Tạo lập giá trị bền vững